

LỜI MỞ ĐẦU

Xăng dầu là một mặt hàng thiết yếu có vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nó tham gia vào tất cả các lĩnh vực hoạt động sản xuất, dịch vụ và đời sống xã hội. Ở nước ta kinh doanh xăng dầu là lĩnh vực kinh doanh không chỉ có ý nghĩa đem lại hiệu quả kinh tế cao mà còn thực sự thúc đẩy sản xuất, góp phần ổn định giá cả, kiềm chế lạm phát, tăng tích lũy cho Ngân sách Nhà nước. Thực tế trong những năm qua, kinh doanh xăng dầu đã đạt được những kết quả nhất định song khó khăn, tồn tại không phải là ít.

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng là công ty trực thuộc Công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO có nhiệm vụ tổ chức kinh doanh cung cấp xăng dầu cho các đơn vị kinh tế, quốc phòng và tiêu dùng xã hội trên địa bàn Hải Phòng và khu vực lân cận.

Đứng trước tình hình kinh tế hiện tại của đất nước nói chung, của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng nói riêng, trong quá trình thực tập tại công ty em nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, do đó em đã mạnh dạn nghiên cứu đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng”***.

**** Tính cấp thiết của đề tài.***

Hiện nay, tại công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng còn tồn tại một số hạn chế trong việc hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh làm cho công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn gặp phải một số khó khăn.

Vấn đề đặt ra đối với công ty lúc này là phải làm thế nào để có thể quản lý một cách có hiệu quả nhất doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Để giải quyết được vấn đề này công ty cần xây dựng cho mình quy trình hạch toán hiệu quả, phù hợp với doanh nghiệp nhưng phải đảm bảo phù hợp với chế độ chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Vì vậy, việc tìm ra giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị là điều cần thiết.

**** Mục tiêu của đề tài.***

- Hệ thống hóa lý luận công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp từ đó vận dụng vào thực tiễn tại đơn vị.

- Phân tích, đánh giá thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí tại đơn vị.

*** Mục đích nghiên cứu**

- Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

- Một số biện pháp đưa ra trong đề tài nghiên cứu có thể ứng dụng vào thực tế công tác kế toán của công ty nhằm nâng cao công tác quản lý chi phí tại công ty.

*** Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.**

- Đối tượng: Công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất kinh doanh.

- Phạm vi nghiên cứu: Phòng kế toán tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VIPCO Hải Phòng.

*** Phương pháp nghiên cứu.**

- Phương pháp thống kê và so sánh

- Phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia

- Phương pháp tổng hợp

- Các kỹ thuật, nghiệp vụ cơ bản sử dụng trong kế toán quản trị: thiết kế thông tin dưới dạng so sánh được, phân loại chi phí đáp ứng các mục tiêu cụ thể, trình bày thông tin dưới dạng phương trình, mô hình và đồ thị.

*** Kết cấu của đề tài.**

- Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

- Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Do thời gian có hạn, tài liệu nghiên cứu không thật đầy đủ nên đề tài không tránh

khởi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những nhận xét và ý kiến đóng góp để đề tài có ý nghĩa thực tiễn cao hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, hướng dẫn nhiệt tình của thầy giáo Thạc sỹ **Nguyễn Văn Thụ** và sự tạo điều kiện, giúp đỡ của lãnh đạo công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, các nhân viên phòng kế toán, phòng kinh doanh... để em hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

Sinh viên

Dương Thị Quỳnh Hoan

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao nhất (tối đa hóa lợi nhuận và tối thiểu hóa rủi ro); và lợi nhuận là thước đo kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp, các yếu tố liên quan trực tiếp đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, chi phí. Do đó doanh nghiệp cần kiểm tra doanh thu, chi phí để đạt được kết quả cao nhất.

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm gia tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu là một khâu trong quá trình bán hàng, là giai đoạn cuối cùng của giai đoạn kinh doanh, có ý nghĩa rất quan trọng với doanh nghiệp thương mại, dịch vụ vì nó giúp doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục quá trình kinh doanh tiếp theo.

Đồng thời, các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó thì đều gây ra những khó khăn trong quản lý và đều làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết quả kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi hay lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Khi quá trình kinh doanh hoàn thành, doanh nghiệp xác định kết quả kinh doanh trên cơ sở so sánh tổng doanh thu thu được và tổng chi phí phát sinh trong quá trình kinh doanh. Kết quả kinh doanh có thể lãi hoặc lỗ, nếu lỗ sẽ được xử lý bù đắp theo chế độ và quy định của cấp có thẩm quyền, nếu lãi được phân phối và sử dụng theo đúng mục đích

phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp cụ thể.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho chủ doanh nghiệp, giám đốc điều hành, cơ quan chủ quản, quản lý tài chính, thuế... để lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả, giám sát việc chấp hành chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế...

Như vậy, hệ thống kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng đóng vai trò quan trọng trong việc tập hợp ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp, qua đó cung cấp được những thông tin cần thiết giúp cho chủ doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu có vai trò hết sức quan trọng không chỉ đối với sự tồn tại và phát triển của bản thân doanh nghiệp thương mại dịch vụ mà còn đối với sự phát triển chung của toàn nền kinh tế, đặc biệt là nền kinh tế thị trường. Để đạt được doanh lợi ngày càng cao, các doanh nghiệp phải xây dựng cho mình kế hoạch kinh doanh, trong đó phải tính đầy đủ, chính xác các khoản chi phí và kết quả đạt được. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là công cụ quan trọng trong quản lý và điều hành có hiệu quả các hoạt động của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp nhà quản trị doanh nghiệp nắm được tình hình thực hiện kế toán doanh thu của doanh nghiệp về loại hình, số lượng, chất lượng, giá cả, thời hạn thanh toán; kiểm tra tình hình thực hiện các dự toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính và chi phí khác, xác định kết quả kinh doanh của đơn vị. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp định hướng cho hoạt động kinh doanh trong kỳ tiếp theo, hoàn thiện hoạt động kinh doanh, hoạt động quản lý, tiết kiệm chi phí, tăng doanh thu.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp giúp Nhà nước (Cơ quan thuế, các cơ quan chức năng, cơ quan thống kê...) kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước, từ đó đưa ra các chính sách thích hợp nhằm phát triển toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Thông tin kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp là mối quan tâm của những người có lợi ích trực tiếp liên quan đến tình hình kinh doanh của doanh nghiệp như các nhà đầu tư, nhà cung cấp, các chủ nợ... Đó là cơ sở để các đối tượng này nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, kịp thời đưa ra các quyết định kinh doanh có lợi nhất cho mình.

Những phân tích trên cho thấy kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò hết sức quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin, giúp các đối tượng này đưa ra các quyết định kinh doanh một cách phù hợp và kịp thời. Do đó, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học và hợp lý là vô cùng cần thiết và có ý nghĩa lớn trong việc thực hiện cung cấp thông tin kinh tế kịp thời, chính xác, góp phần phát huy đầy đủ vai trò của hạch toán kế toán nói chung trong quản lý kinh tế tài chính ở doanh nghiệp.

1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

❖ Yêu cầu quản lý đối với doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Quản lý doanh thu là quản lý quá trình bán hàng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ. Yêu cầu đặt ra là phải quản lý kế hoạch và thực hiện kế hoạch tiêu thụ đối với từng thời kỳ, từng khách hàng và từng hợp đồng kinh tế.

- Phải giám sát chặt chẽ hàng hóa tiêu thụ trên tất cả các phương diện về số lượng và chất lượng.

- Phải quản lý chặt chẽ tình hình thanh toán của khách hàng, yêu cầu thanh toán đúng hình thức và thời gian, tránh mất mát ứ đọng vốn

- Tránh hiện tượng mất mát, hư hỏng, tham ô, lãng phí, kiểm tra tính hợp lý của các khoản chi phí đồng thời phân bổ chính xác cho đúng hàng bán để xác định kết quả sản xuất kinh doanh.

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng tốt yêu cầu quản lý về tình hình tiêu thụ hàng hóa, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Quản lý sự vận động của từng loại hình dịch vụ theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí cho từng hoạt động trong doanh nghiệp đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.4.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu.

a) Các loại doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thỏa thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bị trả lại. Trong đó, giá trị hợp lý là giá trị tài sản có thể trao đổi hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

-Doanh thu cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả những khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán(nếu có).

-Doanh thu thuần: là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), Doanh thu nội bộ (TK 512) sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp nhà nước đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

-Doanh thu tiêu thụ nội bộ: là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc một công ty, tổng công ty.

-*Doanh thu hoạt động tài chính*: là doanh thu từ tiền lãi. Tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

-*Thu nhập khác*: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

-*Thời điểm ghi nhận doanh thu*: là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu về sản phẩm, hàng hóa, lao vụ từ người bán sang người mua. Nói cách khác, thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm người mua trả tiền cho người bán hay người mua chấp nhận thanh toán số sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà người bán đã chuyển giao

b) Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế giá trị gia tăng nộp theo phương thức trực tiếp, thuế xuất khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, được tính vào doanh thu ghi nhận ban đầu, để xác định doanh thu thuần, làm cơ sở để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

- *Chiết khấu thương mại*: là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho khách hàng do việc khách hàng đã mua hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi nhận trên hóa đơn kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng hóa.

- *Giảm giá hàng bán*: là số tiền giảm trừ cho người mua trên giá bán đã thỏa thuận do các nguyên nhân thuộc về người bán như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, hàng giao không đúng thời hạn theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

- *Hàng bán bị trả lại*: là số tiền mà doanh nghiệp phải trả lại cho khách hàng vì số hàng đã được coi là tiêu thụ nhưng người mua trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như sai quy cách, chất lượng không đảm bảo...

- *Thuế tiêu thụ đặc biệt*: là thuế đánh vào những mặt hàng hóa, dịch vụ mà không phục vụ thiết yếu cho đời sống người dân lao động.

- *Thuế xuất khẩu*: là thuế đánh vào những mặt hàng được xuất ra nước ngoài theo quy định.

-*Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp*: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong

quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp phải nộp theo phương pháp trực tiếp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

1.1.4.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí

➤ Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

➤ Chi phí của doanh nghiệp gồm có:

- *Giá vốn hàng bán*: là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ. Khi hàng hóa đã tiêu thụ và được phép xác định doanh thu thì đồng thời trị giá hàng xuất bán cũng được phản ánh theo giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

- *Chi phí bán hàng*: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến công việc hành chính, quản trị ở phạm vi toàn doanh nghiệp.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: là những chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp.

- *Chi phí khác*: là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

1.1.4.3. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả sản xuất kinh doanh là kết quả cuối cùng của doanh nghiệp đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính là chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

Bán hàng là quá trình các doanh nghiệp thực hiện việc chuyển hóa vốn sản xuất kinh doanh của mình từ hình thái hàng hóa sang hình thái tiền tệ và hình thành kết quả bán hàng, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Như vậy, bán hàng là thực hiện mục đích của sản xuất và tiêu dùng, đưa hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Bán hàng là khâu lưu thông hàng hóa, là cầu nối trung gian giữa một bên sản xuất phân phối và một bên là tiêu dùng. Đặc biệt trong nền kinh tế thị trường thì bán hàng được hiểu theo nghĩa rộng hơn: “Bán hàng là quá trình kinh tế bao gồm nhiều khâu từ việc nghiên cứu thị trường, xác định nhu cầu khách hàng, tổ chức mua hàng hóa và xuất bán theo yêu cầu của khách hàng nhằm đạt hiệu quả kinh doanh cao nhất”.

Mối quan hệ giữa bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: bán hàng là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, còn xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng để doanh nghiệp quyết định có nên tiêu thụ hàng hóa đó nữa không. Do đó có thể nói rằng bán hàng và xác định kết quả kinh doanh có mối quan hệ mật thiết với nhau. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của doanh nghiệp, còn bán hàng là phương tiện trực tiếp để đạt được mục đích đó.

❖ Các phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ các doanh nghiệp sử dụng rất linh hoạt các phương thức bán hàng. Phương thức bán hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến việc sử dụng các tài khoản kế toán phản ánh tình hình xuất kho hàng hóa.

Đồng thời có tính chất quyết định đối với việc xác định thời điểm bán hàng và ghi nhận doanh thu, tiết kiệm chi phí bán hàng để tăng lợi nhuận. Các phương thức bán hàng mà doanh nghiệp thường xuyên áp dụng:

- *Phương thức bán hàng trực tiếp*: là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho hay trực tiếp tại các phân xưởng không qua kho của doanh nghiệp. Theo phương thức này khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì đồng thời khách hàng thanh toán ngay hoặc chấp nhận thanh toán đảm bảo các điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ:

+ *Phương thức bán buôn*: là hình thức bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại

hoặc bán cho các doanh nghiệp sản xuất để tiếp tục sản xuất. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hóa vẫn nằm trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ *Phương thức bán lẻ*: Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hóa từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Đó là hành vi trao đổi diễn ra hàng ngày thường xuyên với người tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hóa và được quyền sở hữu tiền tệ.

- *Phương thức hàng gửi đi bán*: là phương thức mà ở đó định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở của thỏa thuận hợp đồng mua bán giữa hai bên và giao hàng tại địa điểm quy ước trong hợp đồng. Khi xuất kho hàng gửi đi bán, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi ấy hàng mới chuyển quyền sở hữu và ghi nhận doanh nghiệp thu bán hàng. Theo phương thức này có các trường hợp bán hàng sau: Bán buôn theo hình thức gửi hàng, bán hàng đại lý ký gửi.

- *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách hàng và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hóa bán trả góp được coi là tiêu thụ.

- *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: theo phương thức này, các cơ sở sản xuất kinh doanh khi xuất hàng hóa đều chuyển cho các cơ sở hạch toán phụ thuộc như các chi nhánh, các cửa hàng... ở các địa phương để bán hoặc xuất điều chuyển giữa các chi nhánh, các đơn vị phụ thuộc nhau: xuất trả hàng từ đơn vị hạch toán phụ thuộc về cơ sở sản xuất kinh doanh.

1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực số 14 ban hành và công bố theo quyết định số 149/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn cả năm điều kiện sau:

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

- + Xác định các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng gồm doanh thu bán hàng ra ngoài và doanh thu bán hàng nội bộ.

Theo chuẩn mực số 14 của Bộ tài chính, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- + Xác định được phần việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng

ngoại tệ thì phải quy đổi ra đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế giá trị gia tăng.

- Đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản, có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm tài chính được xác định bằng số tiền nhận trước chia cho số năm trả tiền trước.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu 01- GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 02- GTKT- 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp.

- Bảng thanh toán hàng gửi đại lý, ký gửi (mẫu 14- BH)

- Thẻ quầy hàng (mẫu 15- BH)

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, ủy nhiệm chi,...)

- Tờ khai thuế giá trị gia tăng (mẫu số 07A/GTGT)

- Chứng từ kế toán liên quan khác như: phiếu nhập kho hàng trả lại...

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 511** – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 có kết cấu như sau:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

- Khoản giảm trừ hàng bán kết chuyển cuối kỳ

- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ

- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Bên có

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2 như sau:

- Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hoá

- Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

- Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

- Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

❖ **Tài khoản 512** – Doanh thu tiêu thụ nội bộ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty theo giá nội bộ.

Tài khoản 512 có kết cấu như sau:

Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ;

- Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội bộ;
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

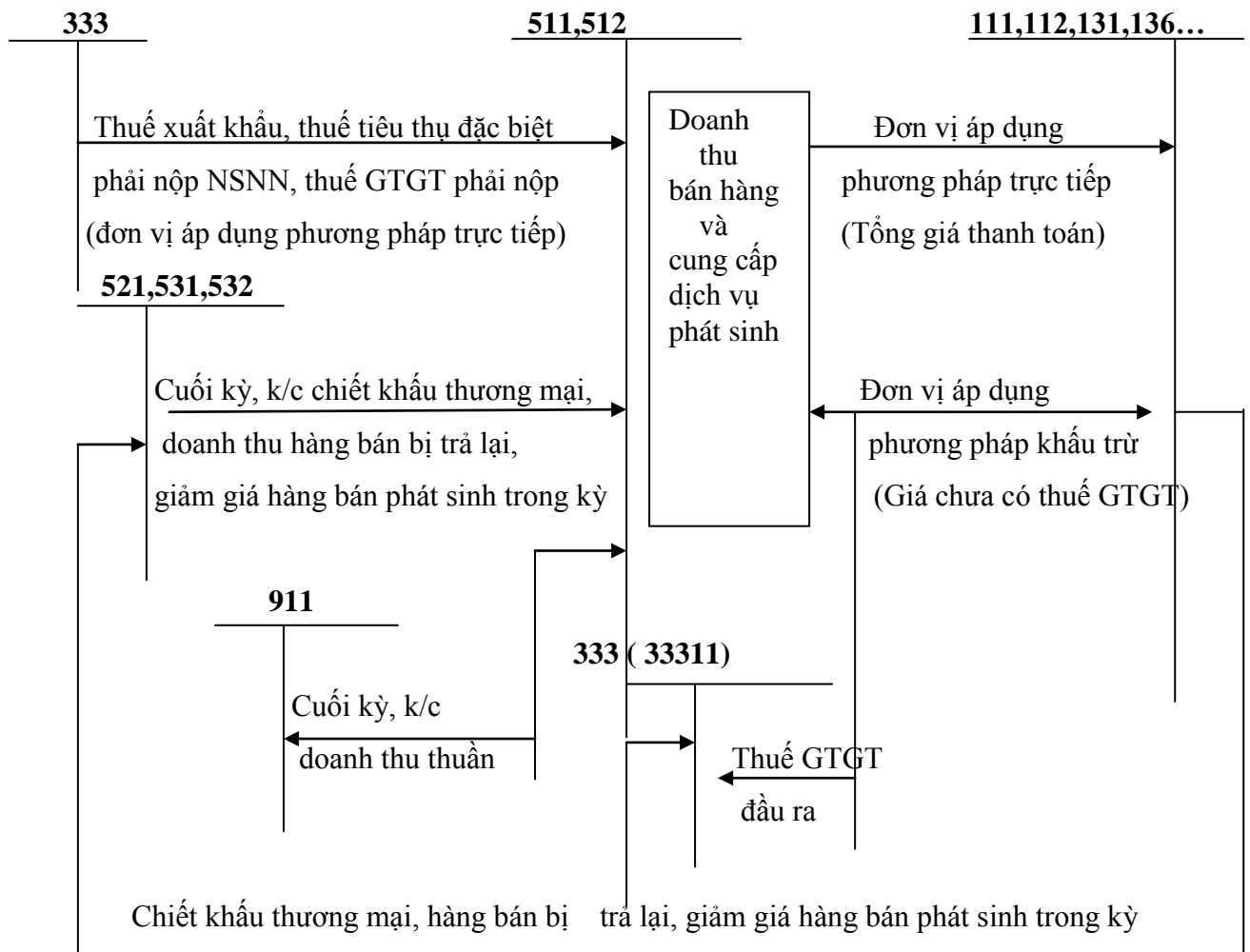
Bên Có:

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.
Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

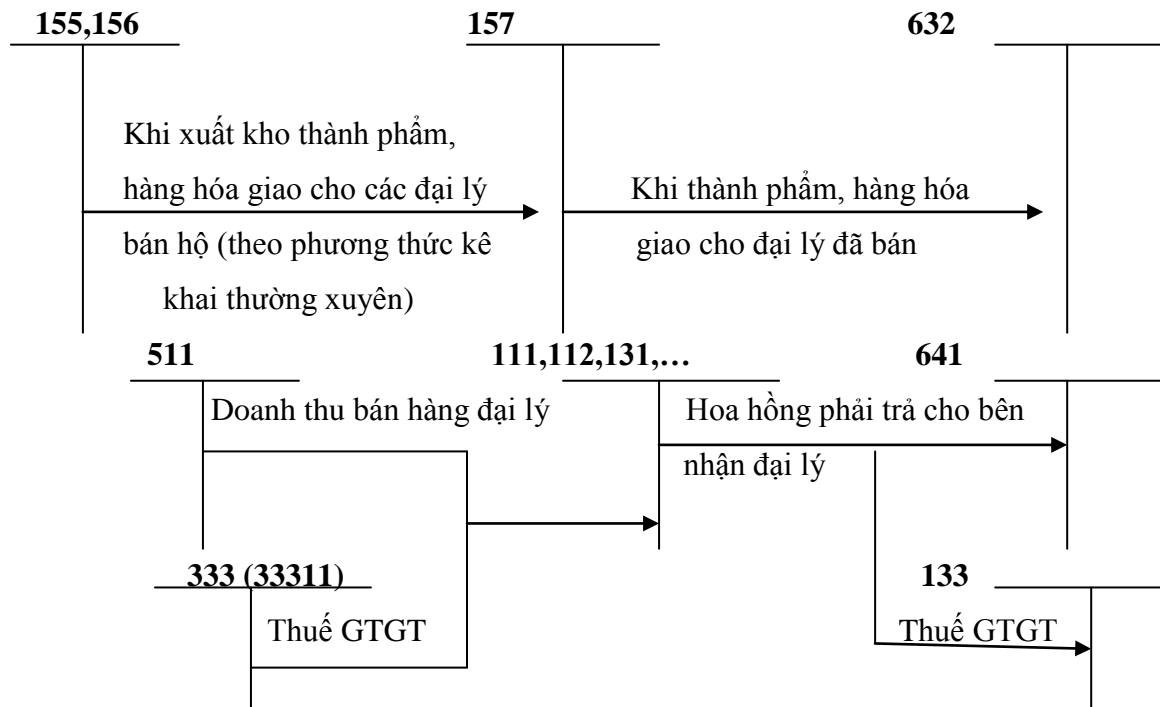
Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

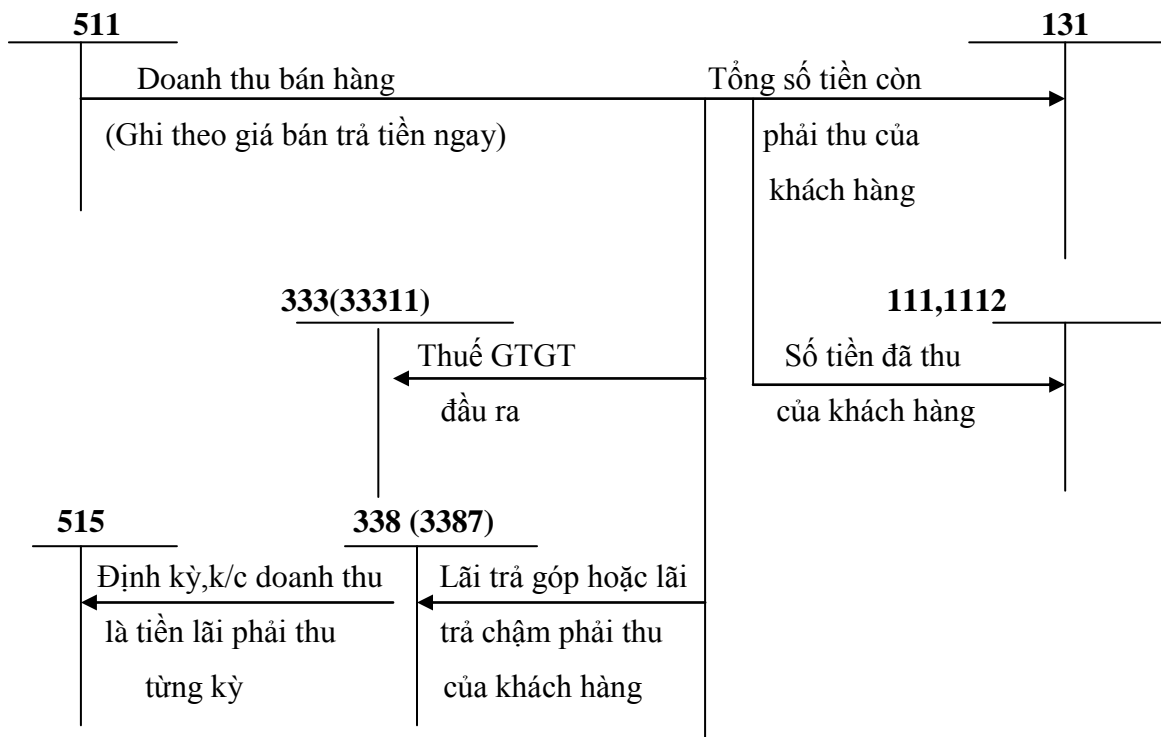
➤ **Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức bán trực tiếp được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:**



Sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thông qua đại lý
(Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng)



Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo phương thức trả chậm, trả góp

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu phản ánh tổng hợp các khoản được ghi giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm, bao gồm: các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu được xác định trong kỳ báo cáo.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo nợ
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Tài khoản 521 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại, không có số dư cuối kỳ

❖ **Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Chi phản ánh vào tài khoản này giá trị của số hàng đã bán nay bị trả lại và được tính theo đúng đơn giá bán đã ghi trên hóa đơn trước đây.

Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào Tài khoản 641- Chi phí bán hàng.

Tài khoản 531 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên Có:

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Tài khoản 512 - Doanh thu nội bộ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán*

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Tài khoản 532 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Bên Có:

- Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” hoặc Tài khoản “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.

❖ *Thuế*

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp: Thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu, được tính trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

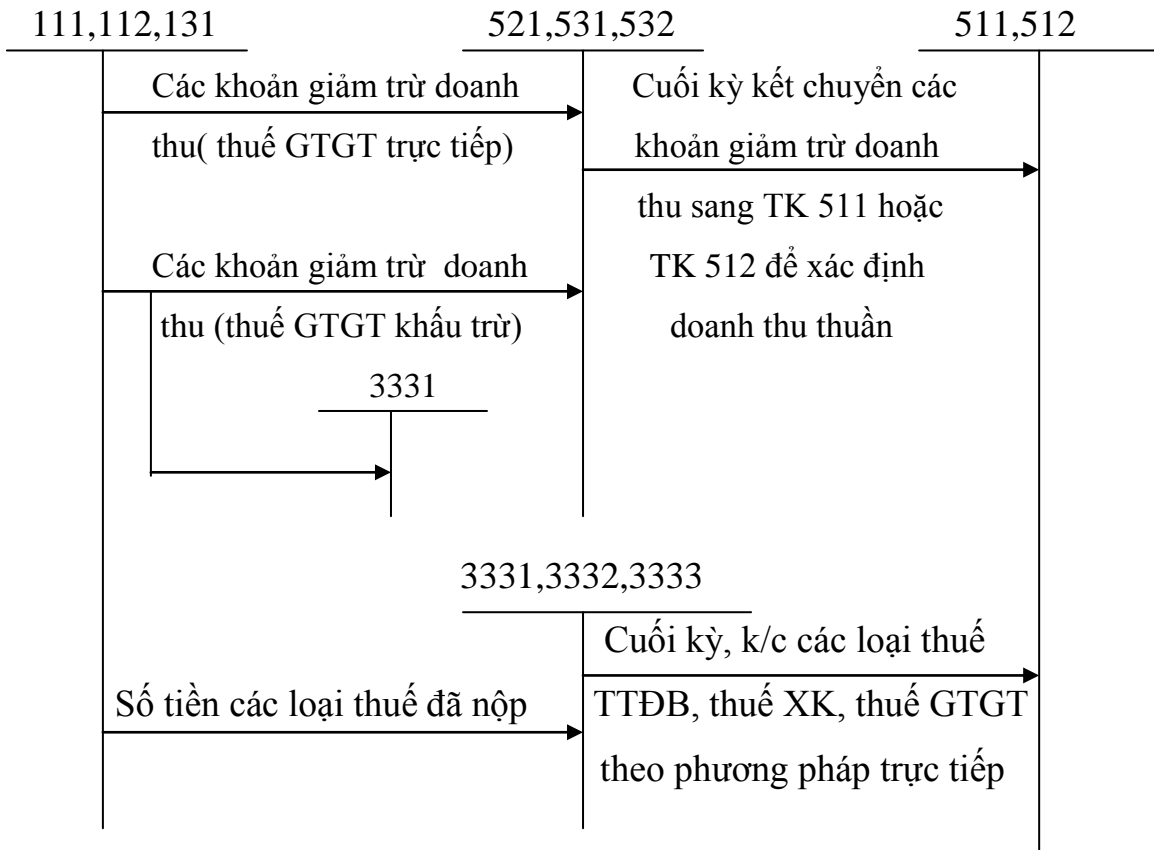
- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Là khoản thuế doanh nghiệp phải nộp trong trường hợp doanh nghiệp tiêu thụ những mặt hàng thuộc danh mục vật tư, hàng hóa chịu thuế tiêu

thụ đặc biệt.

- Thuế xuất khẩu: Là khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp khi xuất khẩu hàng hóa mà hàng hóa đó phải chịu thuế xuất khẩu.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu (chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán) được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:



Sơ đồ 1.4

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Mỗi khi ghi nhận doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thì đồng thời kế toán phải ghi nhận một khoản chi phí tương ứng đó chính là giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa bán ra trong kỳ - đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp xác định giá vốn hàng bán

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

- *Phương pháp bình quân gia quyền*

Theo phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho * Đơn giá bình quân

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ. Nếu đơn giá bình quân cả kỳ được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn.

+ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{Bình quân} \end{array} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Đây là phương pháp khá đơn giản, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ. Tuy nhiên, phương pháp này có nhược điểm lớn là công tác kế toán dồn vào cuối kỳ ảnh hưởng tiến độ của các phần hành khác. Hơn nữa, phương pháp chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

+ *Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá} \\ \text{xuất kho} \end{array} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

- *Phương pháp nhập trước – xuất trước:*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- *Phương pháp nhập sau – xuất trước:*

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Phiếu nhập kho (mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (mẫu 02- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03- VT)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (mẫu 01- GTGT- 322)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 có kết cấu như sau:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã cung cấp theo từng hóa đơn.

- Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào trị giá hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.

- Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước.

Bên có:

- Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Khoản chênh lệch giữa số phải lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

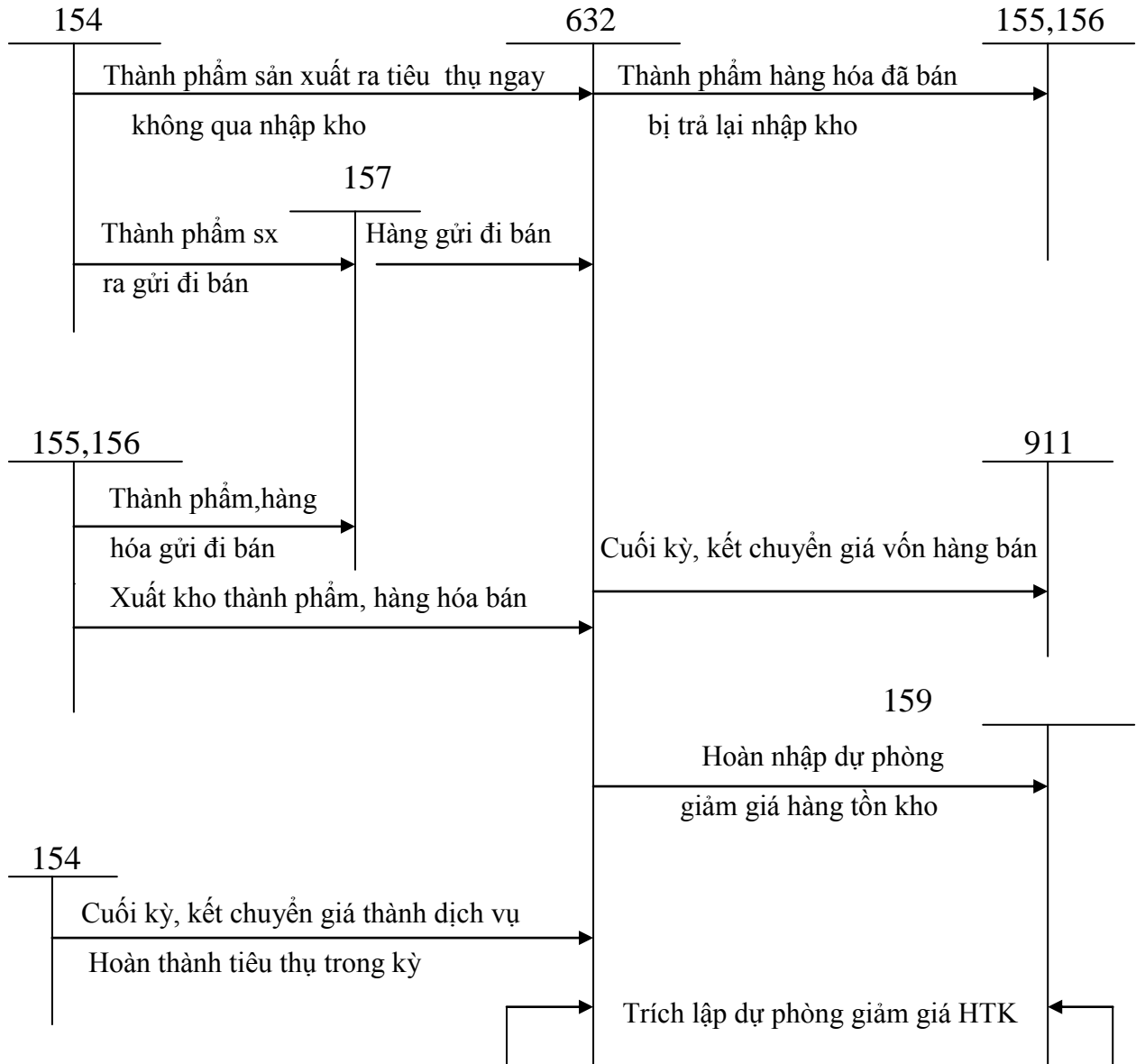
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ vào bên nợ tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán giá vốn**

* *Phương pháp kê khai thường xuyên* : Là phương pháp theo dõi và phản ánh

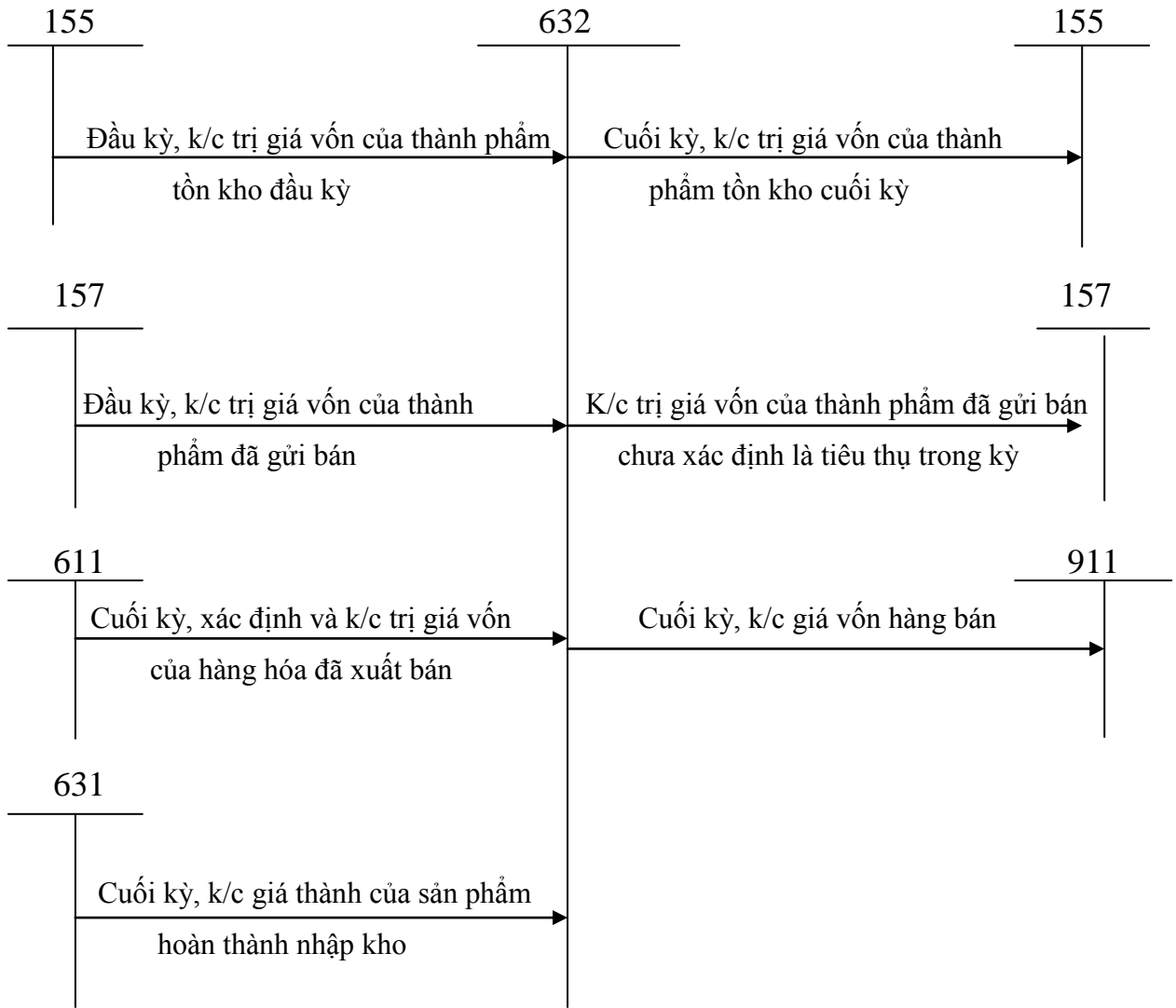
một cách thường xuyên, liên tục tình hình nhập xuất, tồn kho vật liệu, hàng hóa trên các loại sổ sách kế toán sau mỗi lần phát sinh các nghiệp vụ mua (nhập) hoặc xuất dùng. Vì vậy giá trị vật tư, hàng tồn kho trên sổ kế toán có thể được xác định ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán. Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:



Sơ đồ 1.5

* *Phương pháp kiểm kê định kỳ* : Là phương pháp kế toán căn cứ vào kết quả kiểm kê thực tế để phản ánh giá trị tồn kho cuối kỳ vật tư, hàng hoá trên sổ kế toán và từ đó xác định được giá trị của vật liệu, hàng hóa đã xuất trong kỳ.

Trong kỳ kế toán chỉ theo dõi, tính toán và ghi chép về nghiệp vụ nhập vật liệu, còn trị giá vật liệu xuất chỉ được xác định một lần vào cuối kỳ khi có kết quả kiểm kê vật liệu hiện còn cuối kỳ. Phương thức hạch toán giá vốn hàng bán theo phương thức kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:



Sơ đồ 1.6

1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng là những khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, lao vụ trong thời kỳ theo quy định của chế độ tài chính. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho nhân viên bán hàng và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trên tiền lương nhân viên bán hàng theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu bao bì.

- Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường tính toán làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa trong thời gian quy định bảo hành.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: là khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý.

- Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên, chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)

- Giấy báo nợ..

- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)

- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng được mở chi tiết thành 7 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6411 - Chi phí nhân viên

- Tài khoản 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì

- Tài khoản 6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng

- Tài khoản 6414 - Chi phí khấu hao tài sản cố định

- Tài khoản 6415 - Chi phí bào hành

- Tài khoản 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Tài khoản 6418 - Chi phí bằng tiền khác.

Tài khoản 641 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá bán thụ sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911- Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ BHTN trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

- Chi phí vật liệu quản lý: là giá trị thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của Ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp.

- Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn,...

- Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài,... và các khoản phí, lệ phí như giao thông, cầu phà...

- Chi phí dự phòng: khoản trích dự phòng phải thu khó đòi.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài: các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như: tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp.

- Chi phí bằng tiền khác: các khoản chi phí bằng tiền ngoài các khoản kể trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, chi phí công tác phí, chi phí đào tạo cán bộ, các khoản chi phí khác.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 01- TT)

- Giấy báo nợ
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp, có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 - Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 - Chi phí bằng tiền khác

Tài khoản 642 có kết cấu như sau:

Bên nợ:

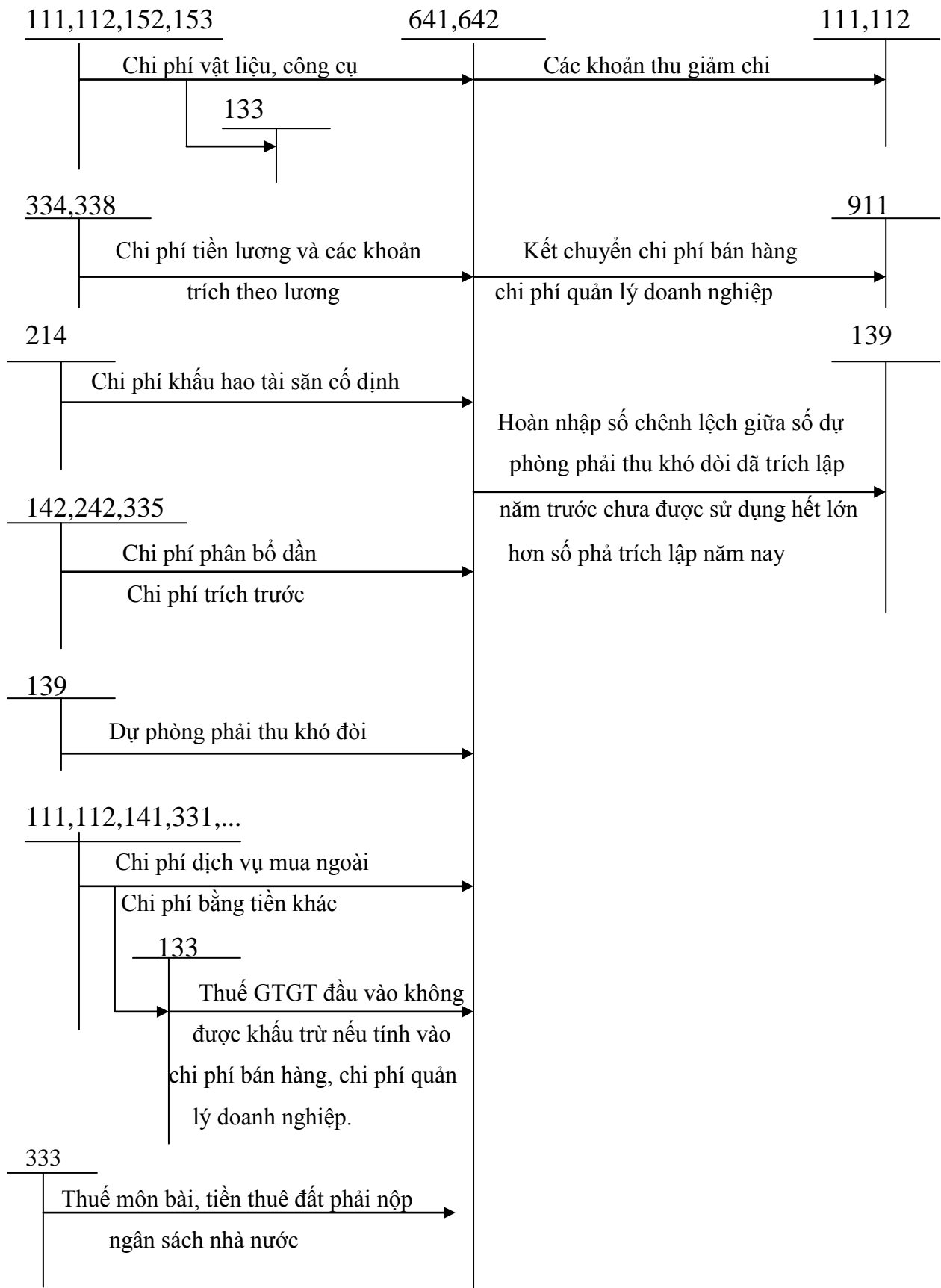
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Bên có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:



Sơ đồ 1.7

1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn trong kỳ kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm một số nội dung sau :

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá,...
- Cổ tức lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu thu (mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có
- Các hợp đồng vay vốn...

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Các khoản làm tăng doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 02- TT)
- Giấy báo nợ
- Các hợp đồng vay vốn, biên bản góp vốn..

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản 635 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá - giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

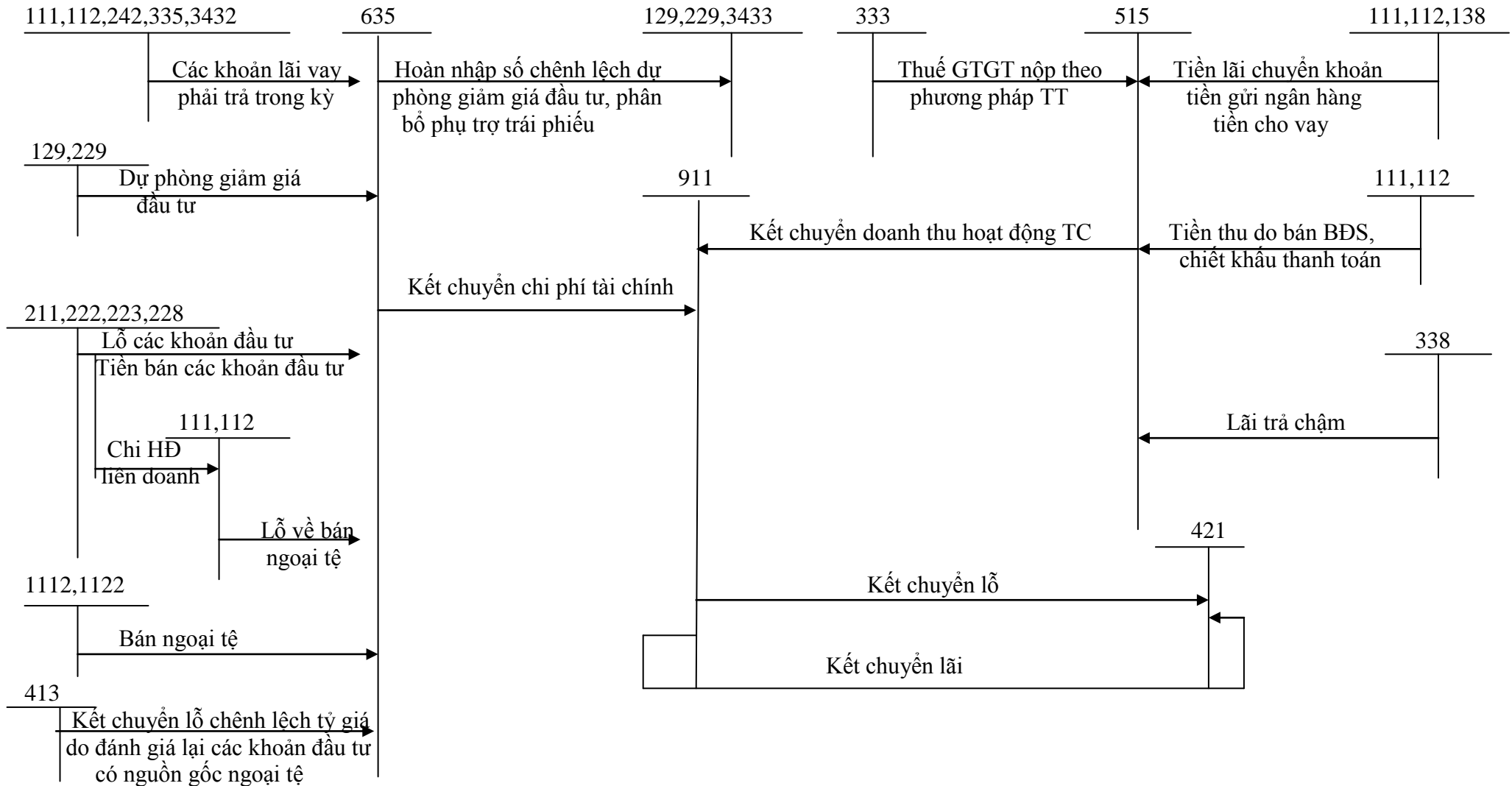
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.8 như sau:



Sơ đồ 1.8

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác dùng để phản ánh các khoản thu nhập phát sinh ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp.

Nội dung thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung sau :

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ;
- Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (Nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu (mẫu số 01- TT), giấy báo có..
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản cố định, hợp đồng kinh tế...

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản 711 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh tăng trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm một số nội dung như sau:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý và nhượng bán TSCĐ (Nếu có);

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;

- Các khoản chi phí khác.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi (mẫu số 02-TT)

- Giấy báo nợ

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)

- Biên bản thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

➤ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản 811 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh.

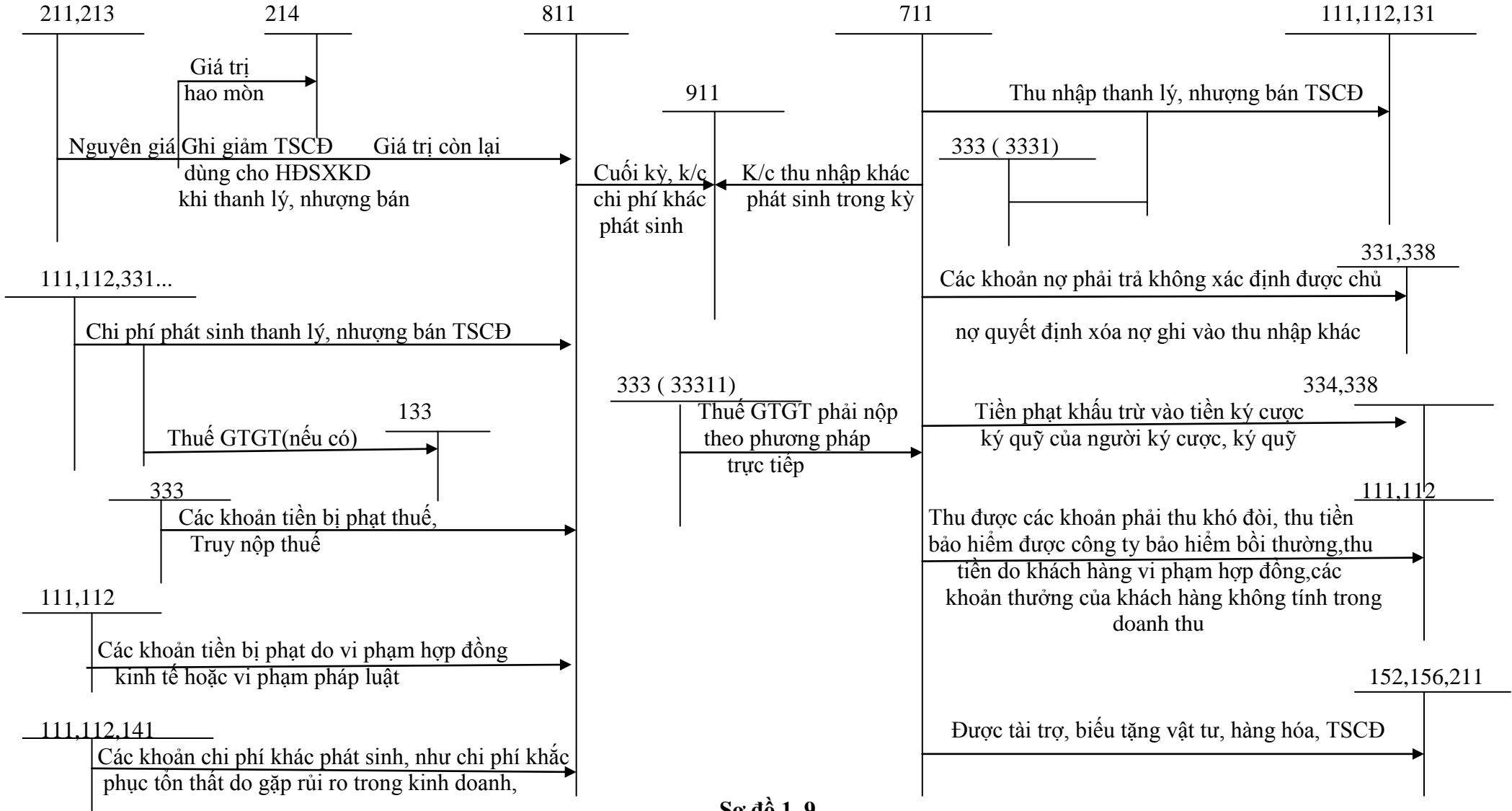
Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán 711 và 811

Phương pháp hạch toán thu nhập và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.9 như sau:



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.

Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

➤ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán kết chuyển (Cuối kỳ, tổng hợp số liệu từ sổ sách kế toán có liên quan lập phiếu kế toán định khoản các bút toán xác định lãi lỗ).

➤ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

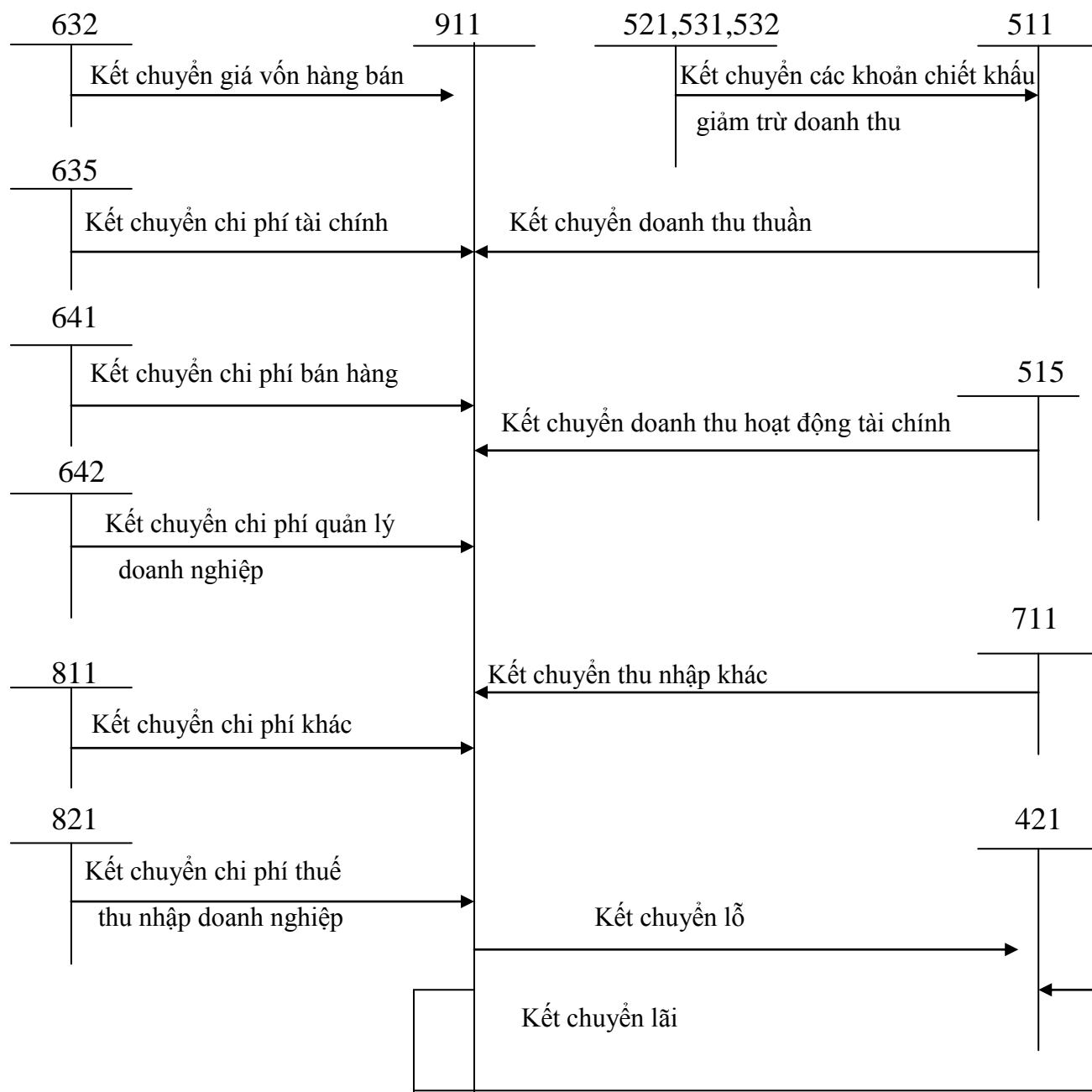
Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

➤ **Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán tài khoản 911 được thể hiện qua sơ đồ 1.10 như sau:



Sơ đồ 1.10

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

✓ Đối với công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thì hệ thống sổ sách là rất quan trọng. Hệ thống sổ sách kế toán thường sử dụng gồm: Sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

- Sổ kế toán tổng hợp gồm: Sổ nhật ký-chứng từ, Sổ nhật ký chung, Sổ cái

- Sổ kế toán chi tiết gồm có: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Sổ chi tiết thanh toán với người mua, người bán. Sổ chi tiết bán hàng, sổ chi tiết các tài khoản khác...

✓ Các hình thức sổ kế toán bao gồm:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

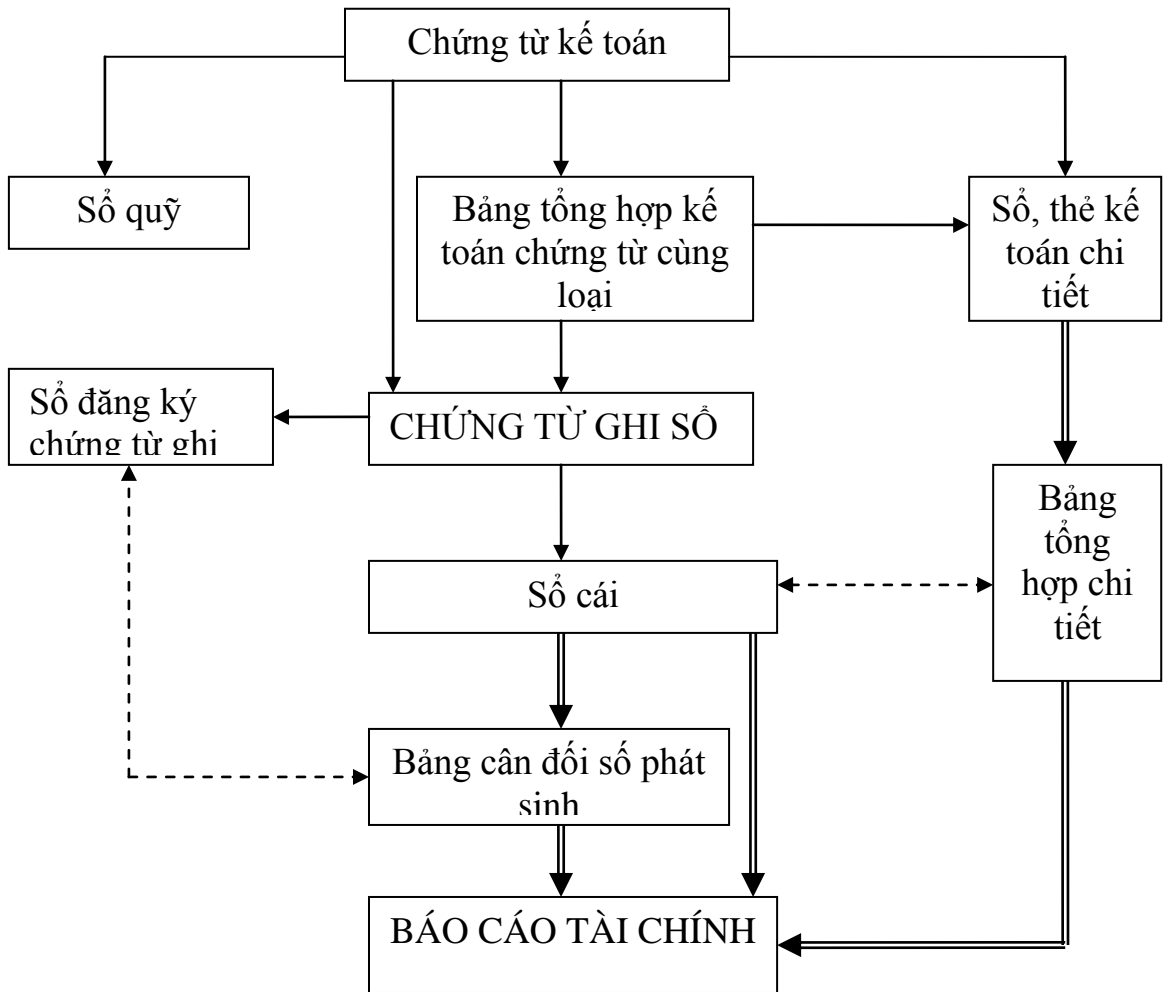
Ví dụ: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được mô tả như sau:

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh nợ, Tổng số phát sinh có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng phát sinh Nợ và Tổng phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và Tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng

tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ==>

Đối chiếu, kiểm tra <- - - ->

**TRÌNH TỰ GHI SỐ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC KẾ TOÁN
CHỨNG TỪ GHI SỐ**

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIPCO HẢI PHÒNG

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Tên Tiếng Việt : **CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG**

Tên Tiếng Anh : **VIPCO HAI PHONG Co., Ltd**

Tên viết tắt : **VIPCO HP**

Người đại diện hợp pháp Ông: *Lê Thanh Hải - Giám đốc công ty.*

Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu, Phường Quang Trung, Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại : 0313.838.306. Fax : 0313.530.977

Email: vipco1@vnn.vn

Vốn điều lệ: **20.000.000.000** (đồng).

Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO tiền thân là Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, trực thuộc Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam. Ngày 22/07/1980, Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I được thành lập để thực hiện sứ mệnh và nhiệm vụ vận tải xăng dầu trong nước và quốc tế theo kế hoạch của Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam.

Trải qua 25 năm hình thành và phát triển, Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I đã vượt qua muôn vàn khó khăn, thách thức đặc biệt là thời kỳ xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp (1987-1994) chuyển sang cơ chế thị trường. Năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hóa xí nghiệp Hồng Hà thành Công ty CP vận tải và dịch vụ Petrolimex Hải Phòng (PTS Hải Phòng) với ngành nghề kinh doanh chính là vận tải xăng dầu đường thủy và đóng mới, sửa chữa tàu thủy. Từ năm 2001-2005, Công ty đã mở thêm ngành nghề kinh doanh bất động sản và hình thành dự án Cảng hóa dầu và Container VIPCO. Năm 2005 đã khép lại vai trò lịch sử của Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I với những kết quả đáng khích lệ và tự hào.

Ngày 02//12/2005, Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty CP Vận tải Xăng dầu

VIPCO được tổ chức. Ngày 26/12/2005, Công ty CP Vận tải Xăng dầu VIPCO chính thức được thành lập. Ngày 1/1/2006, Công ty chính thức hoạt động với số vốn điều lệ là 351 tỷ đồng, trong đó Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam nắm giữ 51%. Ngày 21/12/2006, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phần trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, vốn điều lệ hiện tại là 600 tỷ đồng.

Trong nền kinh tế hội nhập Việt Nam đã gia nhập WTO tổ chức thương mại hàng đầu trên thế giới. Với những tiền đề và thách thức mới đó Việt Nam có rất nhiều cơ hội trong việc tham gia vào thị trường sôi động và đầy tiềm năng đó. Trong đó thị trường xăng dầu là thị trường đầy triển vọng và hứa hẹn.

Nhận thức được tầm quan trọng đó cùng với chiến lược nội địa sản phẩm của công ty cũng như tầm nhìn chiến lược của thành phố và các ban ngành có liên quan công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO đã quyết định thành lập công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 02030001919 CTCP do sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp ngày 26/12/2005 và chính thức đi vào hoạt động ngày 14/12/2006.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà Nước tại công ty TNHH một thành viên VIPCO là công ty cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO sẽ tham gia chỉ đạo chiến lược phát triển cũng như định hướng kinh doanh cho công ty, phối hợp tổ chức, phát triển thị trường.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên VIPCO là một công ty kinh doanh thương mại, thực hiện chức năng nối liền giữa sản xuất và tiêu dùng. Đối tượng kinh doanh của công ty là hàng hoá, đó là những sản phẩm của công ty mua về để bán ra nhằm đáp ứng nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng của thị trường.

- *Mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty gồm:*

+ Kinh doanh xăng dầu và sản phẩm hóa dầu, gas và các thiết bị sử dụng gas: VIPCO có đội tàu chuyên làm nhiệm vụ cung ứng xăng dầu trên sông biển tại các tỉnh, thành phố Quảng Ninh, Hải Phòng. VIPCO có đội ngũ cán bộ quản lý và sỹ quan

thuyền viên chuyên nghiệp cao với bề dày kinh nghiệm 18 năm, có quan hệ rộng và rất sớm với các chủ tàu, các nhà môi giới trong và ngoài nước. Lượng hàng bán bình quân năm khoảng 70.000 m³, trong đó bán tái xuất cho các tàu biển nước ngoài chiếm 75%. Làm đại lý bán tái xuất dầu cho các tàu biển nước ngoài khoảng 20.000m³ /năm. Không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng dịch vụ, chất lượng dầu để phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

+ Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hoá, vật tư thiết bị phụ tùng: VIPCO thực hiện các dịch vụ xuất khẩu, chuyên khẩu các mặt hàng nông sản, cao su, phân bón và một số hàng hoá khác sang thị trường các nước trong khu vực và Châu Âu.

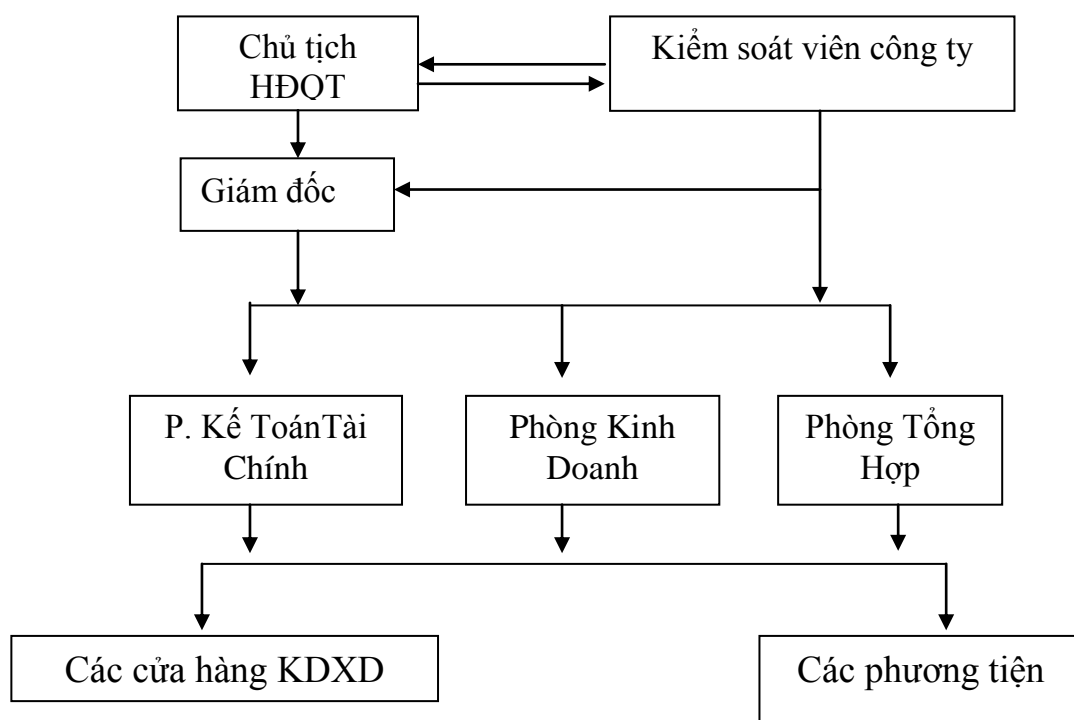
+ Vận tải thủy, Đại lý tàu biển, Đại lý vận tải, Môi giới tàu biển: VIPCO làm đại lý cho các chủ tàu trong và ngoài nước tại các cảng Hải Phòng, Quảng Ninh, Nghệ An. Đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp, mẫn cán, có bề dày kinh nghiệm 15 năm, đặc biệt là trong lĩnh vực hàng lỏng (xăng dầu, gas, hoá chất). Số lượt tàu VIPCO làm đại lý bình quân năm khoảng 250 lượt chiếc, chất lượng dịch vụ tốt, được các chủ tàu trong và ngoài nước tính nhiệm.

+ Vệ sinh tàu biển, Cung ứng tàu biển, Khai thuế hải quan, cung ứng thuyền viên: VIPCO luôn đi đầu trong việc triển khai các quy định của tổ chức hàng hải quốc tế về thuyền viên và hi vọng sẽ trở thành một địa chỉ cung ứng thuyền viên tin cậy của các chủ tàu trong và ngoài nước, đặc biệt là thuyền viên tàu dầu, gas, hoá chất. VIPCO mong muốn mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước trong lĩnh vực này.

- *Danh mục các đối tác trao đổi hàng hoá:*

- + Công ty Vinaship.
- + Công ty Falcon
- + Nhà máy đóng tàu Bạch Đằng.
- + Công ty TNHH Nam Trang.
- + Công ty xăng dầu Đình Vũ....

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.



Sơ đồ 01: Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty

Để đảm bảo kinh doanh có hiệu quả và quản lý tốt quá trình hoạt động kinh doanh của công ty, công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng đã tổ chức theo mô hình quản lý tập trung. Sơ đồ tổ chức bộ máy của công ty được tổ chức như trên:

* **Chủ tịch Hội đồng quản trị:** là người chỉ huy cao nhất chịu trách nhiệm hoàn toàn trước Nhà nước, trước pháp luật về hoạt động sản xuất kinh doanh ở công ty.

* **Kiểm soát viên công ty:** là người theo dõi các ứng xử của đối tượng để đảm bảo cho kết quả hoạt động phù hợp với các mục tiêu của tổ chức.

* **Ban giám đốc:** là người điều hành hoạt động trên phạm vi toàn doanh nghiệp. Giám đốc đóng vai trò là trung tâm đầu não, là người hoạch định các chiến lược và kế hoạch cho doanh nghiệp hoạt động, thiết kế bộ máy tổ chức. Giao nhiệm vụ và quyền hạn cho các bộ phận.

* **Các phòng ban:**

- **Phòng kế toán tài chính:** Giám sát về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp thông tin kế toán một cách chính xác, kịp thời giúp

giám đốc ra quyết định sản xuất kinh doanh.

+ Giám đốc việc sử dụng vốn và quản lý việc sử dụng tài sản của công ty đảm bảo đúng mục đích yêu cầu và có hiệu quả.

+ Mở các loại sổ sách, biểu mẫu kế toán, ghi chép phản ánh số hiện có tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Lập các báo cáo tài chính định kỳ đầy đủ, thực hiện nghiêm chỉnh việc trích nộp ngân sách. Trích và sử dụng đúng các loại quỹ theo quy định hiện hành.

+ Lập các hoá đơn thực hiện thanh toán với các chủ hàng và đơn vị liên quan, trực tiếp quản lý nguồn thu, chi.

- *Phòng kinh doanh*: Giúp giám đốc hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh, trực tiếp tổ chức khai thác nguồn hàng, tham gia và kinh doanh vận tải hàng hóa và kinh doanh mua bán hàng hóa. Lập kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn theo hợp đồng kinh tế, thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu trực tiếp. Có nhiệm vụ xây dựng và thực hiện các chiến lược quảng cáo, xúc tiến bán hàng, tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường, đưa ra ý kiến đề xuất phát hiện những vấn đề chưa hợp lý, đồng thời tìm kiếm các đơn đặt hàng.

- *Phòng hành chính* : quản lý về tổ chức hành chính tại công ty. Bộ phận hành chính giúp giám đốc quản lý nhân sự văn phòng, tổ chức thực hiện hướng dẫn chính sách của người lao động và đường lối của Đảng, Nhà nước.

- *Các cửa hàng & phương tiện*: Có nhiệm vụ cung ứng hàng hoá ra thị trường nói chung và cho người tiêu dùng nói riêng.

Các phòng ban trong công ty hoạt động trong mối quan hệ khăng khít hỗ trợ nhau phát triển. Phòng này là cơ sở cho phòng kia phát triển theo một phương hướng đã đề ra. Với việc bố trí hợp lý đội ngũ cán bộ công nhân viên theo trình độ, tính chuyên nghiệp cao thì hiệu quả công việc, năng suất lao động cao sẽ ngày càng đáp ứng được tính khắt khe của thị trường. Đây là điều kiện thuận lợi giúp cho Công ty kinh doanh theo đà ngày càng phát triển, từ đó thực hiện chỉ tiêu của công ty đã đề ra cho năm 2011 và có khả năng vượt chỉ tiêu.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán

❖ **Đặc điểm tổ chức công tác kế toán**

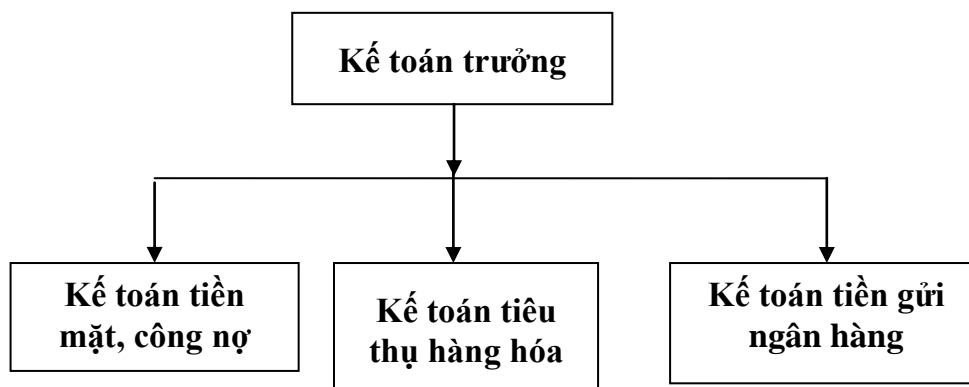
Hạch toán kế toán là công cụ quan trọng phục vụ điều hành, quản lý các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Do đó tổ chức công tác kế toán một cách khoa học và hợp lý có vai trò đặc biệt quan trọng. Chính vì vậy Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng đã chú trọng tới việc tổ chức bộ máy kế toán để thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, chức năng được giao, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Giám đốc, kế toán trưởng đến các nhân viên kế toán.

❖ **Tổ chức bộ máy kế toán.**

Để phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và sự phân cấp quản lý cũng như để đáp ứng yêu cầu quản lý, chỉ đạo sản xuất, sử dụng tốt năng lực đội ngũ kế toán của công ty đồng thời đảm bảo thông tin nhanh gọn, chính xác và theo dõi kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đặc điểm kinh doanh của công ty chủ yếu là xăng dầu vì vậy mà hình thành lên các cửa hàng để cung ứng hàng hoá ra thị trường mà các cửa hàng không tập trung ở một địa điểm mà được bố trí ở những nơi khác nhau để nhằm đáp ứng được yêu cầu của thị trường và của người tiêu dùng, vì vậy Công ty đã áp dụng kiểu mô hình bộ máy kế toán tập trung.

Bộ phận tài chính của công ty được tổ chức theo hình thức của bộ máy kế toán tập trung. Phòng kế toán tài chính của công ty có 05 người:

Thể hiện qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 02: Sơ đồ cơ cấu tổ chức phòng kế toán tài chính

Kế toán trưởng (01 người)

- + Tham mưu giúp việc tổng giám đốc, tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê, thông tin và hạch toán kinh tế, tài chính của công ty.
- + Tổ chức công tác và bộ máy kế toán của công ty phù hợp với tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty theo yêu cầu cơ chế quản lí.
- + Tổ chức hướng dẫn thực hiện và kiểm tra việc ghi chép tính toán, phản ánh chính xác kịp thời đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính của công ty.
- + Tính toán, trích nộp đủ, kịp thời các khoản nộp ngân sách, nộp cấp trên.
- + Trực tiếp làm công tác kế toán tổng hợp và điều hành nhiệm vụ trong phòng.

Kế toán tiêu thu hàng hóa (gồm 2 người)

Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn kho hàng hóa, doanh thu, giá vốn hàng hóa, thanh toán khoán cho các cửa hàng. Lập các sổ sách liên quan đến tình hình nhập-xuất- tồn hàng hóa như Bảng kê hàng hóa nhập, xuất...

Kế toán tiền mặt và công nợ (01 người)

Là người chuyên theo dõi các khoản phải thu, phải trả của Công ty với khách hàng, nhà cung cấp, NSNN..., làm các báo cáo công nợ hàng tháng, giấy thông báo về các khoản nợ vay của khách hàng.

Kiểm duyệt chứng từ, tài liệu và viết phiếu thu, chi những vụ việc phát sinh thanh toán trong công ty và đơn vị trực thuộc. Theo dõi các khoản tạm ứng của các cá nhân và đơn vị công nợ tiền hàng.

Kế toán tiền gửi ngân hàng (01 người)

Theo dõi sự thay đổi tỷ giá tại thời điểm ghi nợ với thời điểm thanh toán, từ đó tìm ra sự chênh lệch tỷ giá. Kiểm kê các giấy tờ, các hợp đồng có sự tham gia của ngân hàng. Trực tiếp thực hiện giao dịch với ngân hàng thông qua việc theo dõi tiền gửi, tiền vay, tiền đang chuyển.

2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng có kỳ kế toán là năm bắt đầu tính 1/1 đến 31/12 của năm. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định: Số 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ Kế toán doanh nghiệp..

- Niên độ kế toán bắt đầu từ: Ngày 01/ 01 đến 31/12
- Đơn vị sử dụng tiền tệ: Đồng Việt Nam (VNĐ), ĐVT : đồng
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên (KKTX).
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp tính khấu hao: Đường thẳng.
- Phương pháp tính trị giá hàng xuất kho: phương pháp thực tế đích danh.

2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

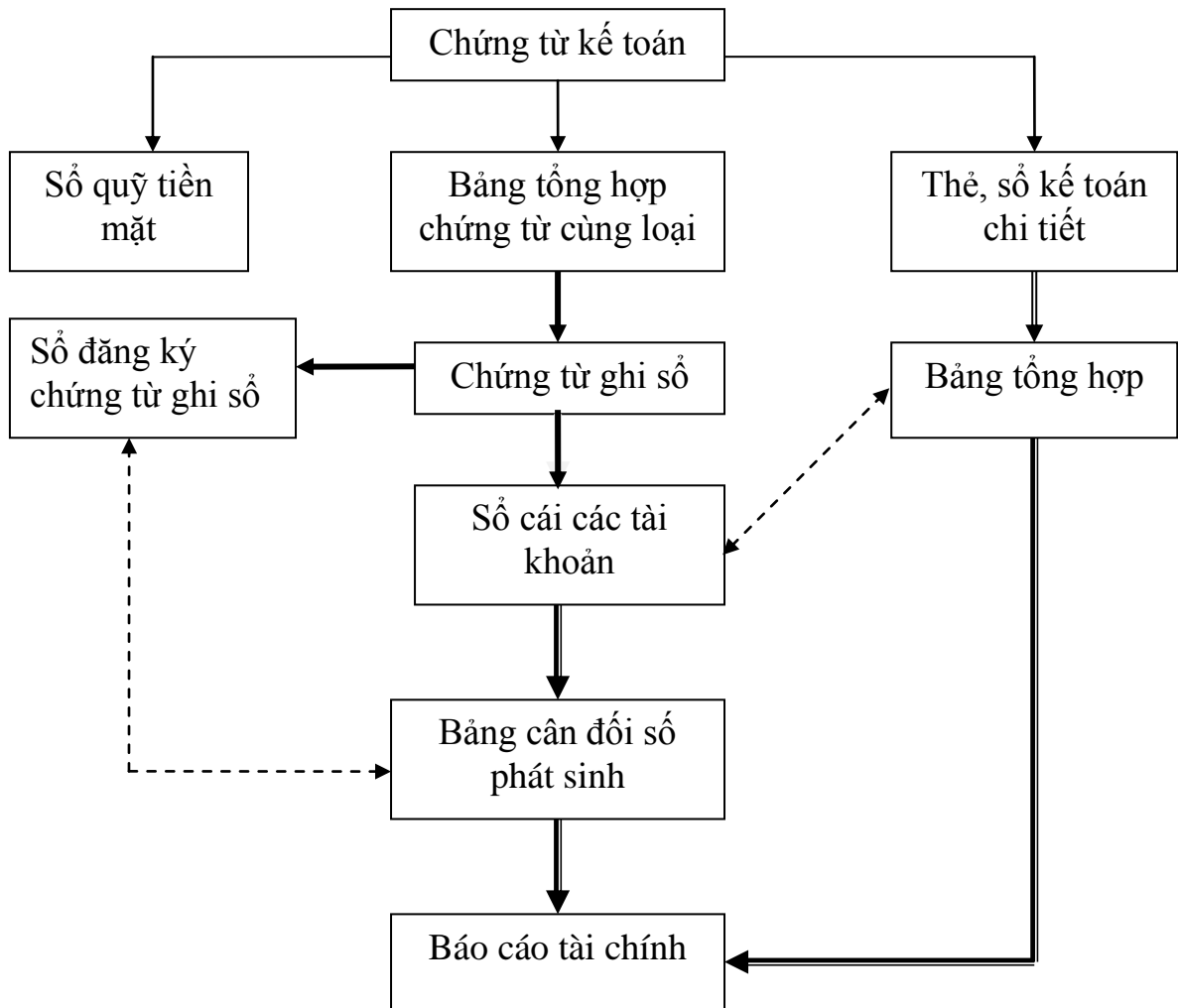
Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng áp dụng ghi sổ theo hình thức :
Chứng từ ghi sổ

✓ **Các loại sổ chủ yếu:**

Gồm có Sổ tổng hợp và Sổ chi tiết

- Sổ tổng hợp : Sổ cái, Bảng tổng hợp chi tiết...
- Sổ chi tiết: Sổ chi tiết nguyên vật liệu, Sổ chi tiết thanh toán với người mua.....

✓ **Trình tự ghi sổ:**



- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
 - > Ghi hàng tháng
 - > Ghi theo quý, năm
 - ←-----> Quan hệ đối chiếu

Sơ đồ 03: TRÌNH TỰ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Quy trình ghi sổ như sau:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu thu,...Kết toán ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại lập chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái các tài khoản.

Cuối tháng hoặc cuối quý từ Sổ chi tiết các tài khoản để lập Bảng tổng hợp chi

tiết các tài khoản.

Cuối quý hoặc cuối năm, sau khi kiểm tra tính chính xác của số liệu thông qua việc đối chiếu giữa Sổ cái với Bảng tổng hợp chi tiết; kế toán căn cứ vào Sổ cái các tài khoản để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính

Để cung cấp thông tin kế toán cho yêu cầu quản lý nội bộ và cho các cơ quan chức năng, công ty thiết lập hệ thống báo cáo gồm:

- ✓ Báo cáo nội bộ:
 - Định kì hàng tháng: Báo cáo quỹ, Báo cáo doanh thu, Báo cáo hàng tồn kho
 - Định kỳ quý, năm: Báo cáo lãi, lỗ về tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa; Báo cáo tình hình thu chi tiền mặt, ngoại tệ; Báo cáo công nợ...

- ✓ Báo cáo tài chính: gồm 04 loại theo quy định của chế độ kế toán.

Theo quy định hiện hành (quyết định số 157/2000/QĐ – BTC 25/10/2000 của Bộ trưởng BTC) hệ thống báo cáo tài chính gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01 – DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (B02 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (B09 – DN)

- ✓ Ngoài ra, còn các Báo cáo kế toán khác như: Báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, Báo cáo quyết toán thuế GTGT.

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.

2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa.

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng là một công ty kinh doanh thương mại dịch vụ trong lĩnh vực xăng dầu, vì vậy mặt hàng kinh doanh chủ yếu của công ty là:

- Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu, gas và các thiết bị sử dụng gas.
- Vận tải thủy, đại lý tàu biển, đại lý hàng hải, môi giới hàng hải

- Xuất nhập khẩu hàng hóa, vật tư, thiết bị, phụ tùng.
- Cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, khai thuế hải quan, thu mua và xử lý dầu kém phẩm chất, vệ sinh hầm và két dầu.

❖ **Các sản phẩm và tiêu chuẩn chất lượng:**

Tổng quan chung về đặc thù các sản phẩm trong lĩnh vực xăng dầu và các sản phẩm hoá dầu, với đặc thù chuyên về lĩnh vực xăng dầu và đảm bảo các yêu cầu và các tiêu chuẩn khắt khe nhất của khách hàng cũng như đăng kiểm trong và ngoài nước nên các thiết bị, các sản phẩm đều có chất lượng đạt tiêu chuẩn.

Xăng: Mogas 90, Mogas 92, Mogas 95.

Dầu nhớt, Mazut, Diesel.

Đặc điểm nổi bật và là ưu thế của công ty là kinh doanh bán hàng tạm nhập tái xuất cho tàu biển nước ngoài, hiện chiếm giữ khoảng 80% thị phần.

2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Thị trường của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng chủ yếu là ở thành phố Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận khác. Để có thể cạnh tranh và thắng thế các đối thủ khác trong nền kinh tế thị trường, công ty đã không ngừng đẩy mạnh công tác bán hàng, nâng cao uy tín đối với khách hàng, áp dụng các hình thức thanh toán linh hoạt, nhanh gọn, phù hợp với từng khách hàng. Thái độ và cách thức phục vụ khách hàng của người bán cũng không ngừng được nâng cao.

Với chất lượng hàng hóa tốt, chủng loại đa dạng, phong phú, chính giá linh hoạt, phương thức bán hàng hiệu quả, công ty đã và đang dần chiếm lĩnh được thị trường.

Công ty sử dụng hai phương thức bán hàng chủ yếu là bán buôn và bán lẻ. Ngoài ra thì Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng còn cung cấp các mặt hàng cho các cửa hàng trực thuộc công ty.

- **Phương thức bán buôn:** là hình thức bán chủ yếu của Công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng hàng hóa tiêu thụ. Những đối tượng bán buôn là các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty TNHH,.. ở thành phố Hải Phòng và một số tỉnh lân cận. Việc mua hàng hóa tại Công ty đều phải căn cứ vào các hợp đồng kinh tế đã được ký kết để xác định rõ quyền hạn, trách nhiệm của mỗi bên.

- **Phương thức bán lẻ:** bán hàng qua hệ thống cửa hàng xăng dầu của công ty cho khách hàng đường bộ, tàu chở dầu cho khách hàng đường biển.

Phương thức thanh toán tiền hàng được thỏa thuận thống nhất giữa hai bên. Tại công ty áp dụng phương pháp trực tiếp (thanh toán bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản) và phương thức thanh toán chậm (khách hàng mua chịu).

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Doanh thu bán hàng là tổng các lợi ích kinh tế của doanh nghiệp (chưa có thuế) thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Doanh thu bán hàng của công ty chủ yếu là các loại xăng dầu như: dầu Diesel các loại, dầu Mazut các loại, dầu nhớt, xăng mogas 92, mogas 95...

Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh vận chuyển dầu bằng phương tiện thủy, bộ cho khách hàng có nhu cầu.

➤ Chứng từ sử dụng

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng sử dụng các chứng từ có liên quan đến quy trình bán hàng theo quy định của Bộ tài chính.

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu thu (mẫu số 01- TT)
- Giấy báo có.
- Hợp đồng mua bán hàng hóa
- Các chứng từ có liên quan khác.

➤ Tài khoản sử dụng

Để tổ chức kế toán doanh thu bán hàng, Công ty sử dụng tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phản ánh số tiền thu được từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ. Các tài khoản chi tiết Công ty mở như sau:

Tài khoản 511: Doanh thu

- ✓ Tài khoản 5111: Doanh thu thương mại. Trong đó, theo dõi chi tiết:
 - Tài khoản 511111: Doanh thu xăng dầu hàng nội địa
 - Tài khoản 511112: Doanh thu phí xăng dầu hàng nội địa

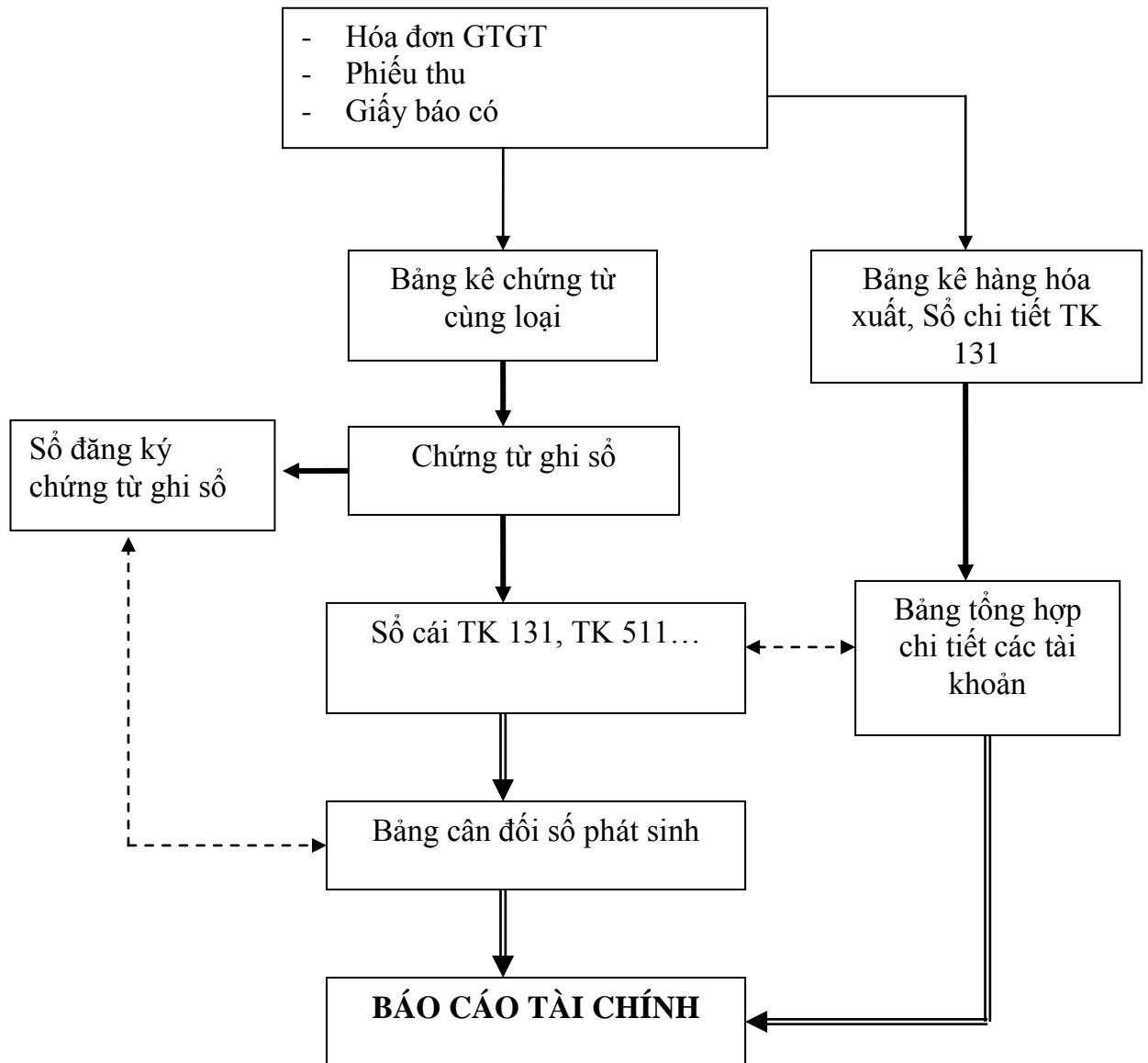
- Tài khoản 511112: Doanh thu xăng dầu hàng tạm nhập-tái xuất
- Tài khoản 511121: Doanh thu dầu nhờn
- Tài khoản 511122: Doanh thu phí dầu nhờn
- ✓ Tài khoản 511311: Doanh thu vận tải phục vụ kinh doanh xăng dầu
- ✓ Tài khoản 5113123: Doanh thu vận tải khác
- ✓ Tài khoản 51132: Doanh thu đại lý hàng hải

Kế toán căn cứ vào hợp đồng kinh tế, viết Phiếu thu để thu các khoản tiền được thanh toán theo đúng quy trình. Nếu khách hàng chuyển tiền qua ngân hàng thì kế toán tiền gửi ngân hàng cũng có trách nhiệm theo dõi và nhận các chứng từ từ ngân hàng. Sau khi khách hàng thanh toán các khoản tiền hàng theo thỏa thuận, kế toán sẽ viết Hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Hóa đơn GTGT chia làm 3 liên:

- Liên 1: lưu vào sổ gốc
- Liên 2: giao cho khách hàng
- Liên 3 : dùng để hạch toán

Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng được mô tả theo sơ đồ 2.1 như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi hàng tháng
- ⇒ Ghi theo quý, năm
- ↔ Đối chiếu.

Sơ đồ 2.1: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng.

Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như hợp đồng mua bán hàng hóa, Phiếu xuất kho, Hóa đơn GTGT, phiếu thu và các chứng từ có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại lập Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và các Sổ cái các tài khoản như tài khoản 511, 131...

Cuối tháng hoặc cuối quý, căn cứ vào Sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp chi tiết như Bảng tổng hợp doanh thu, Bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Cuối quý hoặc cuối năm, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và từ bảng tổng hợp chi tiết sẽ được lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 04/12/2010, Xuất bán Diesel 0.25%S cho công ty TNHH Hồng Phúc theo hóa đơn GTGT số 0017484 (Biểu số 2.1.1). Số lượng 8000 kg. Đơn giá là 763\$/tấn. Tổng tiền thanh toán là 6.104 USD. Tỷ giá: 19.500 VNĐ/USD

Tổng số tiền thanh toán quy ra đồng Việt Nam là 119.028.000 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0017484, kế toán chi tiết ghi vào Bảng kê hàng hóa xuất (Biểu số 2.1.2) và Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.1.5) đồng thời vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Biểu số 2.1.6).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.1.7). Từ chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ cái tài khoản 511 (Biểu số 2.1.8), Sổ cái tài khoản 131 (Biểu số 2.1.9) đồng thời vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.1.10).

Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán căn cứ vào Bảng kê hàng hóa xuất vào Bảng tổng hợp doanh thu (Biểu số 2.1.11). Từ Sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (Biểu số 2.1.12).

Cuối quý hoặc cuối năm, từ sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số

phát sinh. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2010, xuất bán Mazut 3.5%S/180cst cho Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Bạch Đằng theo hóa đơn giá trị giá tăng số 0017548 (Biểu số 2.1.3). Số lượng 9000kg, đơn giá là 11.263,64 đồng/kg. Tổng tiền thanh toán là 101.372.760 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0017548, Kế toán sẽ vào Bảng kê hàng hóa xuất Mazut 3.5%S/180cst (Biểu số 2.1.4) và Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.1.5) đồng thời vào Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Biểu số 2.1.6).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán lập chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.1.7). Từ chứng từ ghi sổ ghi vào Sổ cái tài khoản 511 (Biểu số 2.1.8), Sổ cái tài khoản 131 (Biểu số 2.1.9) đồng thời vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.1.10).

Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán căn cứ vào Bảng kê hàng hóa xuất vào Bảng tổng hợp doanh thu (Biểu số 2.1.11). Từ Sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán lập Bảng tổng hợp phải thu khách hàng (Biểu số 2.1.12).

Cuối quý hoặc cuối năm, từ sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1.1

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIPCO HẢI PHÒNG
VIPCO HAIPHONG Co., LTD**

Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng
E-mail: vipco1@vnn.vn

HÓA ĐƠN (GTGT)

Liên 3: Nội bộ
Ngày: 04/12/2010

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
Ký hiệu: AA/2010T
Số: **0017484**

Đơn vị bán hàng: CTY TNHH MTV VIPCO Hải Phòng	Mã số thuế: 0200113152-009
Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu, Hải Phòng	Fax: 031.3530977
Điện thoại: 031.3530976	Kho xuất: Tàu H28
Số tài khoản:	Tại NH: Ngoại thương, Hải Phòng
Người mua hàng:	Mã khách: 91000015
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH Hồng Phúc	Mã số thuế: 0200156903
Địa chỉ:	Hình thức thanh toán:
Số tài khoản:	Thời hạn thanh toán:
Tại NH:	P.tiện nhận hàng/VC: MV TONG SENG

TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6= 4*5
- Diesel 0,25%S	060204	Tan	8	763	6.104
		LTT	9.568		
		L15	9.512		
Thuế suất: %			Cộng tiền hàng		6.104
Ghi chú: <i>Xuất bán: hình thức tạm nhập tái xuất</i>			Tiền thuê GTGT		
			Tiền phí xăng dầu		
			Tổng cộng tiền thanh toán		6.104
Số tiền bằng chữ: Sáu nghìn một trăm linh bốn USD chẵn.					

Khách hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Người lập hóa đơn (Ký, ghi rõ họ tên) Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Biểu số 2.1.2



BẢNG KÊ HÀNG HÓA XUẤT

Tài khoản : 511112D1- Dầu Diesel 0.25%S

Nguồn hàng : TNTX Nguồn B12

Phương thức: Xuất bán tàu biển/ tái xuất

Kho hàng: CH SC & Tàu H22

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Số HĐ	Ngày HĐ	Tên hàng hóa	ĐVT TT	SỐ LƯỢNG				Giá	Tổng tiền thanh toán	Trong đó		
				SI_1tt	SI_115	SI_kg	SI_cái			Tiền hàng	Tiền lpgt	VAThh+dv
...			
017483	03/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.962	11.891	10.000		0.758	147.810.000	147.810.000		
017484	04/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	9.568	9.512	8.000		0.763	119.028.000	119.028.000		
017486	06/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	14.598	14.512	12.000		0.768	179.712.000	179.712.000		
017487	06/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	35.884	35.672	30.000		0.765	447.525.000	447.525.000		
017488	06/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	14.354	14.269	12.000		0.770	180.180.000	180.180.000		
017491	10/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.920	11.850	10.000		0.778	151.710.000	151.710.000		
017492	10/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.920	11.850	10.000		0.778	151.710.000	151.710.000		
017494	13/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.904	11.834	10.000		0.778	151.710.000	151.710.000		
017495	15/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	23.840	23.699	20.000		0.778	303.420.000	303.420.000		
017497	15/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	17.856	17.751	15.000		0.795	232.537.500	232.537.500		
017498	24/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	13.081	13.004	11.000		0.805	172.672.500	172.672.500		
019572	31/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	17.838	17.733	15.000		0.805	235.462.500	235.462.500		
Tổng chung				194.725	193.577	163.000			14.161.945.453	14.161.945.453		

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.1.3

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIPCO HẢI PHÒNG
VIPCO HAIPHONG Co., LTD**

Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu, Hồng Bàng, Hải Phòng
E-mail: vipco1@vnn.vn

HÓA ĐƠN (GTGT)

Liên 3: Nội bộ
Ngày: 20/12/2010

Mẫu số: 01 GTKT – 3LL
Ký hiệu: AA/2010B
Số: **0017548**

Đơn vị bán hàng: CTY TNHH MTV VIPCO Hải Phòng Mã số thuế: **0200113152-009**
Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu, Hải Phòng Fax: 031.3530977
Điện thoại: 031.3530976 Kho xuất: Tàu G17
Số tài khoản: 102010000413394 Tại NH: Công thương Hồng Bàng, Hải Phòng

Người mua hàng: Mã khách:
Đơn vị mua hàng: Tổng Công ty CNTT Bạch Đằng Mã số thuế: 0200844762
Địa chỉ: Số 3, Phan Đình Phùng, Hồng Bàng, HP Hình thức thanh toán:
Số tài khoản: Thời hạn thanh toán:
Tại NH: P.tiền nhận hàng/VC: Tàu VINASHIN SOUTHERN1

TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	2	3	4	5	6= 4*5
Mazut 3.5%S/180cst.	070101	Kg	9.000	11.263,64	101.372.760
Thuế suất: 10 %			Cộng tiền hàng		101.372.760
Ghi chú: <i>Theo biên bản giao nhận ngày 20/12/2010</i>			Tiền thuế GTGT		10.137.240
			Tiền phí xăng dầu		2.700.000
			Tổng cộng tiền thanh toán		114.210.000
Số tiền bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu hai trăm mười nghìn đồng chẵn.					

Khách hàng **Người lập hóa đơn** **Kế toán trưởng** **Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ HÀNG HÓA XUẤT

Nguồn hàng: Nội địa Nguồn B12
Tài khoản: 511111M - Mazut 3.5%S/ 180cst
Phương thức: Xuất bán buôn trực tiếp
Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Số hiệu HĐ	Ngày HĐ	Tên hàng hóa	Đvt TT	SỐ LƯỢNG				Giá	Tổng tiền thanh toán	TRONG ĐÓ		
				SI_Ltt	SI_L15	SI_kg	SI_cái			Tiền hàng	Tiền lpgt	
		...										
017522	01/12	Mazut 3.5%S/180cst.	Kg			199.375		11.100	2.494.181.250	2.213.062.500	59.812.500	221.306.250
017548	20/12	Mazut 3.5%S/180cst.	Kg			9.000		11.264	114.210.000	101.372.760	2.700.000	10.137.240
019710	20/12	Mazut 3.5%S/180cst.	Kg			30.000		11.264	380.700.000	337.909.200	9.000.000	33.790.800
013437	25/12	Mazut 3.5%S/180cst.	Kg			10.000		11.264	126.900.000	112.636.300	3.000.000	11.263.700
019726	28/12	Mazut 3.5%S/180cst.	Kg			120.000		11.264	1.522.800.000	1.351.635.600	36.000.000	135.164.400
Tổng từng hàng hóa - Mazut						1.311.320			14.770.718.770	13.108.025.161	351.891.093	1.310.802.516
TỔNG CHUNG						1.311.320			14.770.718.770	13.108.025.161	351.891.093	1.310.802.516

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản: Phải thu của khách hàng

Số hiệu TK: 131(ghi nợ TK 131)

Từ ngày : 01/12/2010 Đến ngày : 31/12/2010

Ngày tháng	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
		...			
Thuế GTGT đầu ra (TK 3331) tháng 12/2010					
		...			
20/12	17548	<i>Thuế GTGT tổng công ty CNTT Bạch Đằng</i>	3331	10.137.240	
		...			
31/12	19669	Thuế GTGT công ty TNHH VTB Bạch Đằng	3331	38.365.845	
31/12	19670	Thuế GTGT công ty TNHH Hoàng Hà	3331	183.572	
31/12	19671	Thuế GTGT công ty TNHH Hoàng Hà	3331	733.722	
		...			
		Cộng		3.009.328.538	
Doanh thu (TK 511) tháng 12/2010					
		...			
04/12	17484	<i>Bán Diesel 0.25% S</i>	511	119.028.000	
06/12	17486	Bán diesel 0.25% S	511	179.712.000	
06/12	17487	Bán diesel 0.25% S	511	447.525.000	
		...			
20/12	17548	<i>Xuất bán Mazut 3,5%S/180cst.</i>	511	104.072.760	
		...			
31/12	19863	Bán PLC Racer	511	88.702	
31/12	19863	Bán PLC Racer	511	204.484	
		Cộng		39.264.179.790	

Tổng phát sinh nợ: 42.273.508.330

Hải phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Biểu số 2.1.6

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản : 13112

Đối tượng: **Công ty TNHH Hồng Phúc**

Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				1.998.044.562	
			Số phát sinh trong kỳ					
			
04/12	017484	04/12	Phải thu của công ty	511	119.028.000		540.215.000	
04/12	017485	04/12	Phải thu của công ty	511	729.901.029		659.243.000	
06/12	017486	06/12	Phải thu của công ty	511	179.712.000		838.955.000	
06/12	017487	06/12	Phải thu của công ty	511	447.525.000		1.286.480.000	
			...					
08/12	GBC 989	08/12	Công ty đã thanh toán	1121		450.000.000		1.170.000.000
12/12	GBC1001	12/12	Công ty đã thanh toán	1121		180.000.000		990.000.000
			
			Cộng phát sinh		11.898.650.045	12.200.078.000		
			Số dư cuối kỳ				1.696.616.607	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập biểu
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.1.7

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Mẫu số S02a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số CTGS: 008/12

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền
	Nợ	Có	
Phải thu của khách hàng tháng 12/2010			
Thuế GTGT đầu ra phát sinh tháng 12	131	3331	3.009.328.538
Doanh thu phát sinh tháng 12	131	511	39.264.179.790
Cộng			42.273.508.328

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.1.8

CÔNG TY CP XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Mẫu số S02C1 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu

Số hiệu: 511

Từ ngày: 01/10/2010

Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			...			
31/11	003/11	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 11/2010	131		48.790.850.000
31/12	008/12	31/12	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tháng 12/2010	131		39.264.179.790
31/12	020/12	31/12	Kết chuyển doanh thu quý 4/2010	911	125.052.226.490	
			Cộng phát sinh		125.052.226.490	125.052.226.490

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CP XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Biểu số 2.1.9

Mẫu số S02C1 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu TK : 131

Từ ngày 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số SH	Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
				Nợ	Có
		Số dư đầu quý		29.870.728.184	
		Số phát sinh			
		...			
31/12	001/12	Khách hàng thanh toán bằng tiền mặt tháng 12/2010	111		4.698.942.835
31/12	003/12	Khách hàng thanh toán bằng TGNH tháng 12/2010	1121		39.077.507.750
31/12	005/12	Khách hàng thanh toán bằng ngoại tệ tháng 12/2010	1122		1.835.808.000
	
31/12	008/12	Phải thu của khách hàng tháng 12/2010			
		Thuế GTGT đầu ra	3331	3.009.328.538	
		Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	511	39.264.179.790	
		Cộng phát sinh quý		112.237.769.200	114.316.154.284
		Số dư cuối quý		27.792.343.100	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.1.10

CÔNG TY CP XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Số:02b - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ
Quý 4 năm 2010

Chứng từ ghi số		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
001/12	31/12	6.724.506.275
002/12	31/12	7.420.422.940
003/12	31/12	64.054.462.956
004/12	31/12	80.425.553.926
005/12	31/12	1.947.430.680
006/12	31/12	2.486.701.395
007/12	31/12	300.000.000
008/12	31/12	42.273.508.328
...
Cộng		904.337.963.702

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
 CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI
 PHÒNG

Biểu số 2.1.11



BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU

Tên tài khoản: Doanh thu

Số hiệu: 511

Từ ngày: 01/10/2010

đến ngày: 31/12/2010

STT	Số hiệu tài khoản	Tên đối tượng	Số phát sinh trong quý	
			Nợ	Có
1	511112D1	Doanh thu bán Diesel 0.25%S (TNTX)	14.161.945.453	14.161.945.453
2	5111111M	Doanh thu bán Mazut 3.5%S/180cst (Hàng nội địa)	13.108.025.161	13.108.025.161
3	5111112M	Doanh thu phí Mazut 3.5%S/180cst (Hàng nội địa)	351.891.093	351.891.093
...
		Tổng cộng	125.052.226.490	125.052.226.490

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Biểu số 2.1.12



BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu: 131

Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty TNHH Hồng Phúc	1.998.044.562		11.898.650.045	12.200.078.000	1.696.616.607	
2	TCT CNTT Bạch Đằng	5.550.586.950		29.780.950.768	30.905.450.000	4.426.087.718	
3	Công ty TNHH Hoàng Hà		945.250.000	10.569.375.000	10.368.050.000		743.925.000
4	Công ty CP VTB và TM Đại Việt	5.625.456.965		25.350.870.520	26.267.170.000	4.709.157.485	
5	Công ty CP 27/01		964.850.000	26.580.900.000	22.730.900.000	2.885.150.000	
6	Công ty CP Cánh Đồng Xanh	506.782.899		1.789.256.354	598.489.000	1.697.550.000	
	...						
	Cộng	33.321.508.184	3.450.780.000	112.237.769.200	114.316.154.284	29.943.303.100	2.150.960.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng là công ty kinh doanh thương mại và dịch vụ nên giá vốn của các loại hàng hóa được xác định như sau:

- Đối với các mặt hàng xăng dầu chính (Xuất bán luôn): Công ty mua hàng nhưng không về nhập kho mà sẽ giao ngay cho các đại lý cấp dưới hoặc khách hàng.

- Đối với các mặt hàng dầu nhờn : Đây là mặt hàng mà công ty mua về nhập kho, sau đó sẽ xuất bán cho khách hàng tiêu dùng, chủng loại mặt hàng này ít, số lần nhập xuất không nhiều nên công ty tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh.

➤ Chứng từ sử dụng

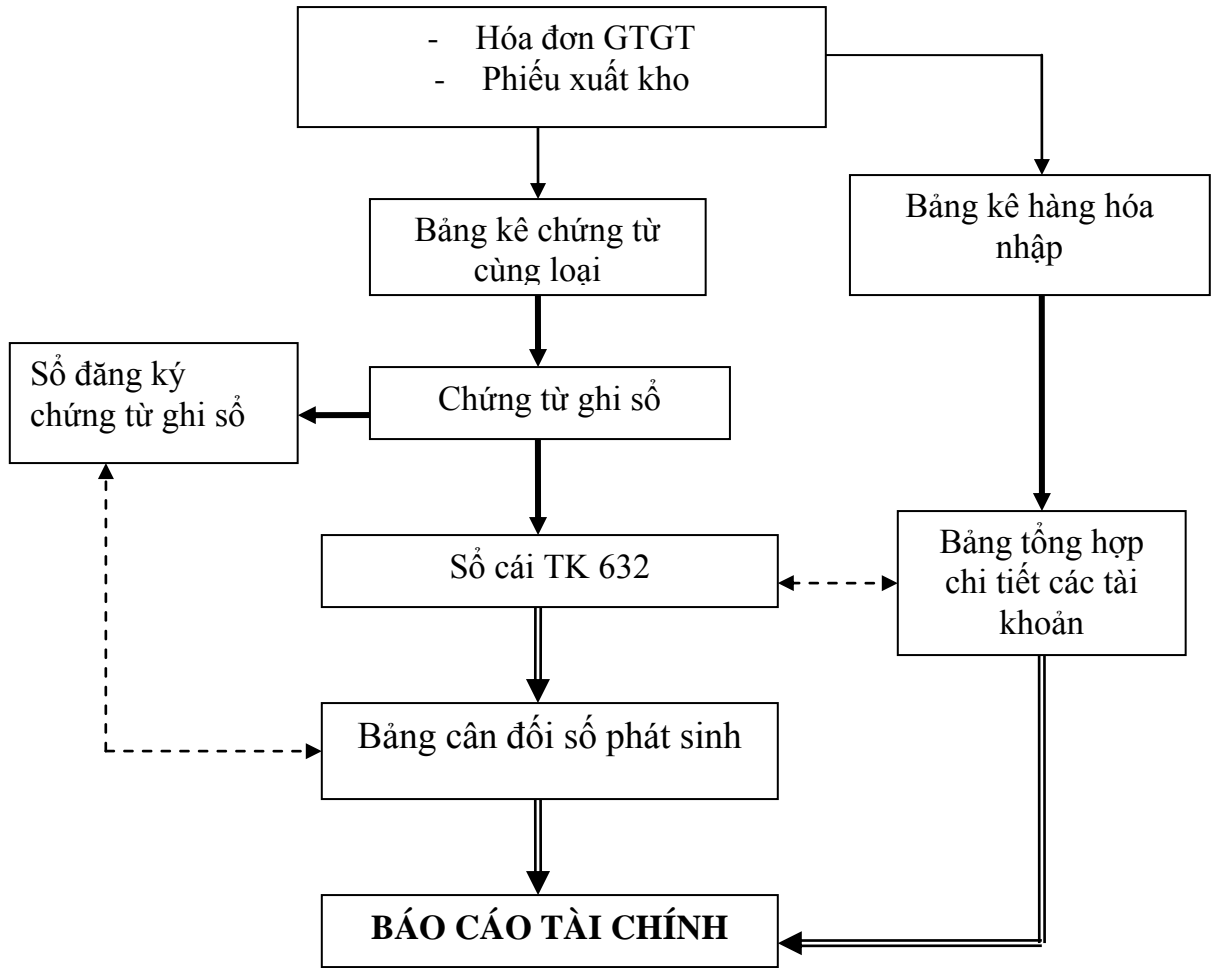
- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VT)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

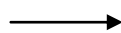



Để hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
Tài khoản này kế toán công ty theo dõi chi tiết trên các tài khoản như sau:

- ✓ Tài khoản 6321: Giá vốn hàng bán
 - Tài khoản 632111: Giá vốn xăng dầu hàng nội địa.
 - Tài khoản 632112: Giá vốn phí xăng dầu hàng nội địa
 - Tài khoản 632113: Giá vốn xăng dầu hàng tạm nhập-tái xuất
 - Tài khoản 632121: Giá vốn dầu nhờn
 - Tài khoản 632122: Giá vốn phí dầu nhờn
- ✓ Tài khoản 6323: Giá vốn cung cấp dịch vụ

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng được mô tả theo sơ đồ 2.2 như sau:



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi hàng tháng
-  Ghi theo quý, năm
-  Đối chiếu

Sơ đồ 2.2: Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng

Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa, Phiếu xuất kho, Hóa đơn giá trị gia tăng và các chứng từ có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại và các Sổ chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và các Sổ cái có liên quan như TK 632, TK 331...

Cuối tháng hoặc cuối quý, căn cứ vào Sổ chi tiết lập Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản phát sinh trong kỳ.

Cuối quý hoặc cuối năm, căn cứ vào Sổ cái các tài khoản lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết sẽ được sử dụng lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 04/12/2010, Mua Diesel 0.25%S của Công ty Xăng dầu B12 theo hóa đơn bán hàng tái xuất, tàu biển nước ngoài số 0001770 (Biểu số 2.2.1), số lượng 8000 kg, đơn giá là 0,743\$/kg. Tổng tiền hàng là 115.989.120 đồng.

Quy trình hạch toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0001770, kế toán sẽ vào Bảng kê hàng hóa nhập (Biểu số 2.2.2) và Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.2.5).

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại để lập Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.6). Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái tài khoản 632 (Biểu số 2.2.7) đồng thời ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.8).

Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán căn cứ vào Bảng kê hàng hóa nhập vào Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu số 2.2.9).

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối Số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2010, mua Mazut 3,5%S/180cst của Công ty xăng dầu B12 theo hóa đơn GTGT số 0007157 (Biểu số 2.2.3), số lượng 39.000kg, đơn giá 11.114 đồng/kg. Tiền hàng là 433.446.000 đồng, tiền lệ phí xăng dầu 11.700.000 đồng. Công ty giao ngay cho khách hàng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0007157, kế toán sẽ vào Bảng kê hàng hóa nhập (Biểu số 2.2.4) đồng thời ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.2.5).

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại để lập Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.6). Từ chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái tài khoản 632 (Biểu số 2.2.7) đồng thời ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.2.8).

Cuối tháng hoặc cuối quý, kế toán căn cứ vào Bảng kê hàng hóa nhập vào Bảng tổng hợp giá vốn hàng bán (Biểu số 2.2.9).

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối Số phát sinh và Bảng tổng hợp chi tiết lập Báo cáo tài chính.

ĐƠN BÁN HÀNG TÁI XUẤT, TÀU BIỂN NƯỚC NGOÀI

Liên 2 : Giao cho khách hàng

Mẫu số: 02 GTTT-3LL-01

Ký hiệu: AA/2010B

Số: **0001770**

Đơn vị bán hàng: Công ty xăng dầu B12

Địa chỉ: Số 1 Cái Lân – P. Bãi Cháy

TP.Hạ Long- Quảng Ninh

Đơn vị: Khối văn phòng

Mã số thuế: 5700101690

Kho xuất: 51C-Xuất tái xuất tổng đại lý tái xuất (VIPCO)

Mã nguồn : 73 – Nguồn công ty dùng để TNTX

Số tài khoản: 0141370003932

Tại NH: Ngoại thương Quảng Ninh

Ngày 04 tháng 12 năm 2010

Người mua hàng:

Cấp cho tàu:

Đơn vị mua hàng: CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu-Hồng Bàng- Hải Phòng

Mã số thuế: 0200113152-009

Phương tiện vận chuyển:

Số tài khoản: 102010000413394

Lệnh giao hàng:

STT	Hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2
1	Diesel 0,25%S	060204	Tan	8	743,52	5.948,160
			LTT	9.568		
			L15	9.512		
Tổng cộng tiền thanh toán						5.948,160_(USD)

Bằng chữ: Năm nghìn chín trăm bốn mươi tám đôla mỹ mười sáu Cent.

Người nhận hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người giao hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CÔNG TY CP XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ HÀNG HÓA NHẬP

Tài khoản: 632113D1 - Dầu Diesel 0.25%S

Phương thức : Tạm nhập - Tái xuất

Nguồn hàng: Công ty Xăng dầu B12- (Hàng TNTX)

Từ ngày : 01/10/2010 Đến ngày : 31/12/2010

Số HĐ	Ngày HĐ	Tên hàng hóa	ĐVT TT	SỐ LƯỢNG				Giá	TỔNG TIỀN THANH TOÁN	TRONG ĐÓ		
				SI_ltt	SI_l15	SI_kg	SI_cái			Tiền hàng	Tiền lpgt	VAT hh+dv
				
001767	03/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	11.962	11.891	10.000		0.743	144.986.400	144.986.400		
001769	04/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	60.600	59.970	49.643		0.743	719.659.182	719.659.182		
001770	04/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	9.568	9.512	8.000		0.743	115.989.120	115.989.120		
001774	06/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	14.598	14.512	12.000		0.753	176.297.940	176.297.940		
001775	06/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	35.884	35.672	30.000		0.753	440.809.200	440.809.200		
001776	06/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	14.354	14.269	12.000		0.753	176.323.680	176.323.680		
001787	10/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	11.920	11.850	10.000		0.763	148.890.300	148.890.300		
001788	10/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	11.920	11.850	10.000		0.763	148.890.300	148.890.300		
001797	13/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	11.904	11.834	10.000		0.763	148.892.250	148.892.250		
002903	24/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	13.081	13.004	11.000		0.788	169.146.120	169.146.120		
002906	25/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	95.500	94.679	79.758		0.788	1.226.385.726	1.226.385.726		
002911	31/12/2010	Diesel 0.25%S	Kg	17.838	17.733	15.000		0.788	230.653.800	230.653.800		
TỔNG CHUNG				309.129	306.776	257.401			13.677.679.458	13.677.679.458		

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giá đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.2.3

HÓA ĐƠN (GTGT)

Liên 2: Giao cho khách hàng

Đơn vị bán: CTY XĂNG DẦU B12
 Địa chỉ: Số 1 Cái Lân-P. Bãi Cháy
 TP. Hạ Long-Quảng Ninh
 Đơn vị: Khối văn phòng
 Cửa hàng:

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL-01
 Ký hiệu: AA/2010B
 Số : **0007157**

Mã số thuế: **5700101690**

Địa chỉ: Phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long
 Mã đơn vị: 11005000-CÔNG TY XĂNG DẦU B12
 Kho xuất: 56-Xuất bán tổng đại lý thuộc khối công ty
 Mã nguồn: 30-Nguồn hàng CTY
 Số tài khoản: 102010000221939

Tại NH: Công thương Quảng Ninh

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Người mua hàng:

Đơn vị mua hàng: CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG Mã đơn vị: 10502004
 Mã số thuế: 0200113152-009 Phương tiện vận chuyển:

Địa chỉ: 37 Phan Bội Châu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Số tài khoản: 102010000413394

Phương thức thanh toán:

Hợp đồng:

Số giấy giới thiệu:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Mã số	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2
	Mazut 3,5%S/180cst.	070101	Kg	39.000	11.114	433.446.000
Cộng tiền hàng						433.446.000
Thuế GTGT(thuế suất GTGT 10%)						43.344.600
Tiền phí xăng dầu						11.700.000
Tổng cộng tiền thanh toán						488.490.600

Bằng chữ: *Bốn trăm tám mươi tám triệu bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm đồng*

Người lập hóa đơn
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người giao hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ HÀNG HÓA NHẬP

Tài khoản: 63211M - Mazut 3.5%S/180cst.

Nguồn hàng: Nội địa Nguồn B12

Phương thức: Nhập xuất bán

Khách hàng: Công ty XD B12-(Hàng nội địa)

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Số HĐ	Ngày HĐ	Tên hàng hóa	Đvt TT	SỐ LƯỢNG				Giá	TỔNG TIỀN THANH TOÁN	TRONG ĐÓ		
				Sl_ltt	Sl_115	Sl_kg	Sl_cái			Tiền hàng	Tiền lpgt	VAThh+dv
007152	08/12/2010	Mazut 3.5%S/180cst	Kg			199.375		10.964	2.464.354.750	2.185.947.500	59.812.500	218.594.750
007157	20/12/2010	Mazut 3.5%S/180cst	Kg			39.000		11.114	488.490.600	433.446.000	11.700.000	43.344.600
007202	31/12/2010	Mazut 3.5%S/180cst	Kg			130.000		11.114	1.628.302.000	1.444.820.000	39.000.000	144.482.000
Tổng hàng hóa- Mazut 3.5%S/180cst.						368.375			4.581.147.350	4.064.213.500	110.512.500	406.421.350

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu: 331 (ghi có TK 331)

Từ ngày: 01/12/2010 Đến ngày : 31/12/2010

Ngày	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ (TK 1331)tháng 12/2010					
10/12	1990	Thuế GTGT đầu vào hàng hóa Diesel 0.25%S	1331	147.172.016	
10/12	1991	Thuế GTGT đầu vào hàng hóa Diesel 0.25%S	1331	36.494.869	
20/12	7157	Thuế GTGT đầu vào hàng Mazut 3.5%S/180cst.	1331	43.344.600	
		...			
		Cộng		2.928.200.782	
Giá vốn hàng bán (TK 632)tháng 12/2010					
04/12	1769	Bán Diesel 0.25%S	632	719.659.182	
04/12	1770	Bán Diesel 0.25%S	632	115.989.120	
06/12	1777	Bán Mazut 3.5%S/180cst	632	117.878.475	
		...			
20/12	7157	Bán Mazut 3.5%S/180cst	632	445.146.000	
		...			
		Cộng		38.250.255.710	
Chi phí sản xuất chung (TK 627) tháng 12/2010					
31/12	9950	Phí bơm rót phải trả công ty XDKV 1	627	9.326.016	
		Cộng		9.326.016	

Tổng phát sinh có: 41.233.070.761
Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Biểu số 2.2.6

Mẫu số S02a-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số CTGS: 016/12

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Phải trả người bán tháng 12/2010				
Phải trả tiền thuế GTGT đầu vào	1331	331	2.928.200.702	
Giá vốn hàng bán	632	331	38.250.255.710	
Chi phí sản xuất chung	627	331	9.326.016	
...				
Cộng			41.233.070.761	

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.2.7

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Mẫu số S02C1 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			...			
31/12	014/12	31/12	Giá vốn hàng xuất kho đem bán tháng 12/2010	156	26.814.845	
31/12	016/12	31/12	Giá vốn hàng mua bán ngay tháng 12/2010	331	38.250.255.710	
31/12	019/12	31/12	Giá vốn dịch vụ tháng 12/2010	154	465.161.768	
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển giá vốn quý 4	911		120.991.415.209
			Cộng phát sinh		120.991.415.209	120.991.415.209

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.2.8

CÔNG TY CP XĂNG DẦU VIPCO

Số:02b - DN

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC



ngày 20/3/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Quý 4 năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
012/12	31/12	17.639.000
013/12	31/12	20.788.253
014/12	31/12	26.814.845
015/12	31/12	111.691.592
016/12	31/12	41.233.070.761
017/12	31/12	2.851.792.000
018/12	31/12	725.809.434
019/12	31/12	465.161.768
020/12	31/12	126.501.377.831
021/12	31/12	126.501.377.831
Cộng		904.337.963.702

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Từ ngày: 01/10/2010

đến ngày: 31/12/2010

STT	TK chi tiết	Tên đối tượng	Số phát sinh	
			Nợ	Có
1	632113D1	Giá vốn bán Diesel 0.25%S (TNTX)	13.677.679.458	13.677.679.458
2	632111M	Giá vốn bán Mazut 3.5%S/180cst (Hàng nội địa)	12.713.526.167	12.713.526.167
3	631112M	Giá vốn phí Mazut 3.5%S/180cst (Hàng nội địa)	345.701.218	345.701.218
...	
		Tổng cộng	120.991.415.209	120.991.415.209

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.

Chi phí bán hàng là khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ. Kế toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng bao gồm một số khoản như sau:

- Tính ra tiền lương phải trả nhân viên bán hàng.
- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định trên tổng số tiền lương phát sinh trong kỳ tính vào chi phí.
- Trích khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bán hàng.
- Các chi phí bằng tiền phát sinh khác.

➤ Chứng từ sử dụng:

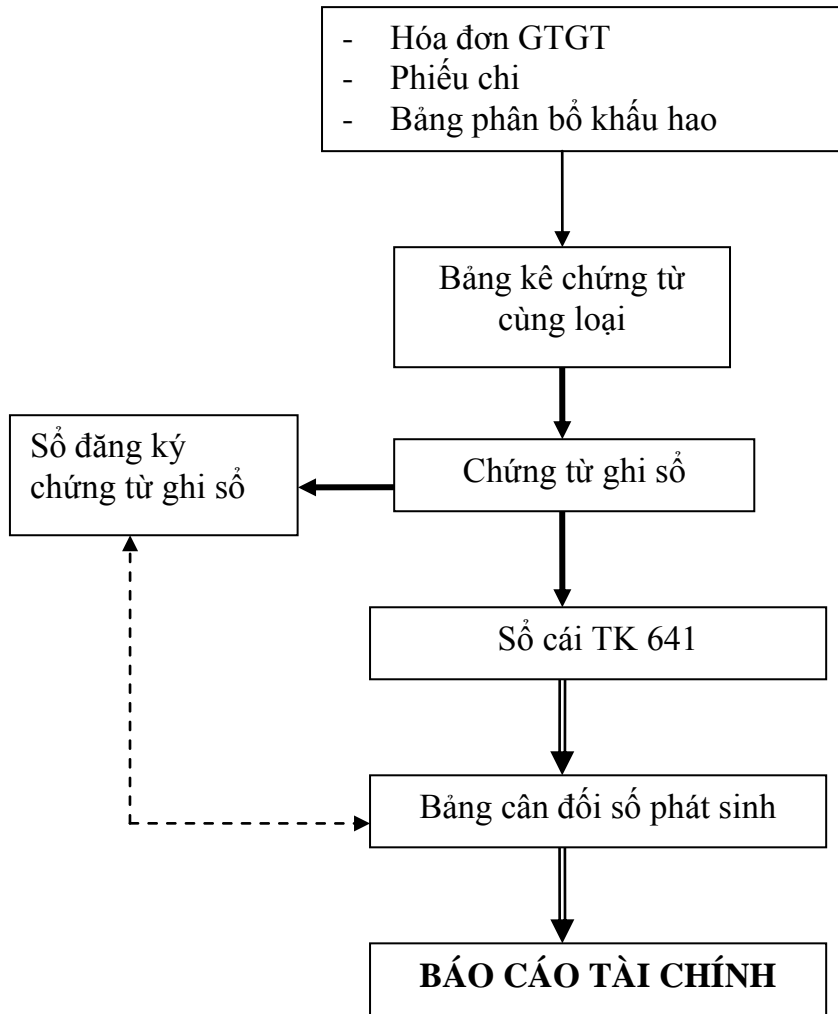
- Hóa đơn giá trị gia tăng (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Phiếu thu (mẫu số 01- TT), Giấy báo có
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao (mẫu số 06- TSCĐ)
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ Tài khoản sử dụng

Việc hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng được hạch toán trên tài khoản 6411 – Chi phí bán hàng.

Cuối quý kế toán kết chuyển sang bên nợ tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh phục vụ cho việc lập Báo cáo kết quả kinh doanh.

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng được mô tả theo sơ đồ 2.3 như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi hàng tháng
- ==→ Ghi theo quý, năm
- ←- - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi,...kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản như TK 641, 642,...

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ hoạt động nào.

Tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí nhân viên văn phòng và các khoản trích theo lương.
- Chi phí tiếp khách.
 - Chi mua sắm, khấu hao thiết bị văn phòng.
- Chi điện, nước và dịch vụ mua ngoài khác phục vụ quản lý doanh nghiệp.
- Chi phí bằng tiền khác.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Bảng tính và phân bổ khấu hao (mẫu số 06- TSCĐ)
- Bảng thanh toán tiền lương (mẫu số 02- LĐTL)
- Phiếu chi (mẫu số 02-TT)
- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)

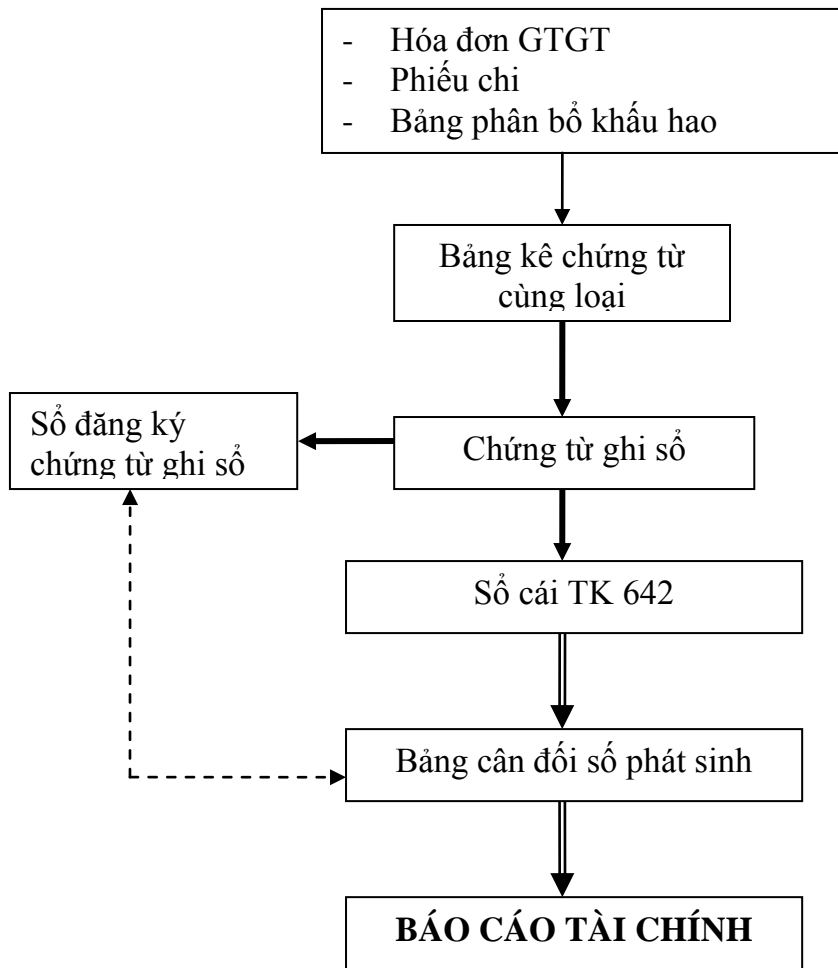
➤ **Tài khoản sử dụng**

Kế toán công ty sử dụng tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp để phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

Mọi nghiệp vụ phát sinh đều được công ty chi bằng tiền mặt hay bằng tiền gửi ngân hàng trừ hai khoản trích khấu hao tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ là theo dõi trên sổ chi tiết tài khoản 214 và tài khoản 142.

Quy trình hạch toán kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH một

thành viên VIPCO Hải Phòng được mô tả theo sơ đồ 2.4 như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi hàng tháng
- ==> Ghi theo quý, năm
- ←- - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng

Quy trình hạch toán:

Hàng ngày, từ các chứng từ gốc như hóa đơn GTGT, phiếu chi,...kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài

khoản như TK 641, 642,...

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2010, Thanh toán phí môi giới tạm nhập- tái xuất tháng 12/2010 cho Công ty TNHH Hồng Phúc theo Hóa đơn số 0088241 (Biểu số 2.3.1). Số tiền là 35.523.455, thuế GTGT 10% là 3.552.545 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Người xin thanh toán viết giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 2.3.2)

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán đã được giám đốc công ty phê duyệt, kế toán tiến hành lập phiếu chi (Biểu số 2.3.3) và chi tiền cho người đề nghị thanh toán. Từ Phiếu chi, thủ quỹ ghi vào Sổ quỹ tiền mặt. Sau đó, kế toán sẽ phản ánh các nghiệp vụ này vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.3.6).

Cuối tháng, từ Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.3.7). Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái 641 (Biểu số 2.3.8) đồng thời ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.3.10).

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 10/12/2010, Thanh toán tiền tiếp khách cho Lê Trung Tấn tại phòng kinh doanh theo Phiếu chi số 438, Số tiền là 4.618.182 , thuế GTGT 10% là 461.818 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Người xin thanh toán viết giấy đề nghị thanh toán (Biểu số 2.3.2)

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán đã được giám đốc công ty phê duyệt, kế toán tiến hành lập phiếu chi (Biểu số 2.3.3) và chi tiền cho người đề nghị thanh toán. Từ Phiếu chi, thủ quỹ ghi vào Sổ quỹ tiền mặt. Sau đó, kế toán sẽ phản ánh các nghiệp vụ này vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.3.6).

Cuối tháng, từ Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào Chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.3.7). Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ kế toán vào Sổ cái tài khoản 642 (Biểu số 2.3.9).

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.3.1

HÓA ĐƠN

Mẫu số: 01 GTKT -3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

PQ/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0088241

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Hồng Phúc

Địa chỉ: Km 7- Quốc lộ 5 – Hải Phòng

Số tài khoản: **MST: 0200156903**

Điện thoại:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng

Địa chỉ: 37 – Phan Bội Châu – Hồng Bàng – Hải Phòng

Số tài khoản: 0341001680885

Hình thức thanh toán: Tiền mặt **MST: 0200113152-009**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1,	Phí môi giới đầu TNTX tháng 12/2010				35.525.455
Cộng tiền hàng:					35.525.455
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			3.552.545
Tổng cộng thanh toán:					39.078.000

Số tiền viết bằng chữ : *Ba mươi chín triệu không trăm bảy tám ngàn đồng chẵn.*

Người mua hàng
(Đã ký)

Người bán hàng
(Đã ký)

Thủ trưởng đơn vị
(Đã ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3.2

Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng

Mẫu số : 05 - TT

Địa chỉ: 37- Phan Bội Châu- Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: - **GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH MTV VIPCO Hải Phòng**

Tên tôi là: **Lê Hồng Thanh**

Nhân viên phòng kinh doanh công ty TNHH Hồng Phúc

Tôi làm đơn này kính đề nghị Giám đốc Công ty thanh toán phí môi giới cấp nhiên liệu tàu biển tháng 12/ 2010 cho Công ty TNHH Hồng Phúc.

Số tiền đề nghị trả: **39.078.000 đồng**

Bằng chữ: **Ba chín triệu không trăm tám ngàn đồng**

Lý do thanh toán: Phí môi giới cấp dầu cho tàu biển tháng 12 năm 2010

Theo bảng kê chi tiết như sau:

Chứng từ		Diễn giải	Giá chưa thuế	Thuế GTGT	Giá thanh toán
Số	Ngày tháng		1	2	3=1*2
0088241	31/12/2010	Phí môi giới	35.525.455	3.552.545	39.078.000
		Tổng cộng	35.525.455	3.552.545	39.078.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người đề nghị thanh toán Phòng kế toán Phòng kinh doanh Giám đốc

Biểu số 2.3.3

Đơn vị: Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng
Địa chỉ: 37-Phan Bội Châu- Hồng Bàng- HP

Mẫu số : 02 - TT
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)*

Quyển số:

PHIẾU CHI
Ngày 31/12/2010

Số: **478**
Nợ: 641, 133
Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Lê Hồng Thanh

Địa chỉ: Phòng kinh doanh- Công ty TNHH Hồng Phúc

Lý do chi tiền: Thanh toán phí môi giới TNTX cho Công ty TNHH Hồng Phúc

Số tiền: **39.078.000 VNĐ**

Bằng chữ: ***Ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.***

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ):: *Ba mươi chín triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc,đá,quý)

+ Số tiền quy đổi

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Giám đốc

Tên tôi là: Lê Trung Tấn

Bộ phận công tác: Phòng kinh doanh

Nội dung thanh toán: Tiếp khách

Số tiền : **5.080.000 đồng**

Bằng chữ: *Năm triệu không trăm tám mươi ngàn đồng.*

Theo bảng kê chi tiết:

Chứng từ			Diễn giải chi tiết	Giá chưa thuế	Thuế GTGT	Giá thanh toán
Sêri	Số	Ngày tháng		1	2	3=1*2
QV/2010B	39773	09/12	Tiếp khách	4.618.182	461.818	5.080.000
			Tổng cộng	4.618.182	461.818	5.080.000

Giám đốc

P. Kế toán

Người đề nghị

Biểu số 2.3.5

Đơn vị: Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng
Địa chỉ: 37-Phan Bội Châu- Hồng Bàng- HP

Mẫu số : 02 - TT
*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)*

Quyên số:

PHIẾU CHI

Ngày 10/12/2010

Số: 438
Nợ: 642, 133
Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Lê Trung Tấn

Địa chỉ: Phòng kinh doanh

Lý do chi tiền: Tấn phòng kinh doanh thanh toán tiếp khách

Số tiền: **5.080.000 VNĐ**

Bằng chữ: ***Năm triệu tám mươi nghìn đồng chẵn.***

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền (viết bằng chữ): ***Năm triệu tám mươi nghìn đồng chẵn.***

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc,đá,quý)

+ Số tiền quy đổi

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Giám đốc Kế toán trưởng Người lập phiếu Người nhận tiền Thủ quỹ

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tài khoản: 111(ghi có TK 111)

Tiền mặt: VNĐ

Từ ngày : 01/12/2010 Đến ngày : 31/12/2010

Ngày tháng	Số Chứng từ	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ (TK 133) tháng 12/2010					
		...			
10/12	PC 438	Tấn PKD thanh toán tiếp khách	1331	461.818	
20/12	PC 450	Thêm PTH thanh toán tiếp khách	1331	574.600	
29/12	PC 468	Lương PTH thanh toán tiếp khách	1331	1.198.000	
31/12	PC 478	Thanh toán phí môi giới TNTX 2010 cho công ty TNHH Hồng Phúc	1331	3.552.545	
		...			
		Cộng		71.993.059	
Phải trả người lao động (TK 334) tháng 12/2010					
		...			
29/12	PC 464	Lương tháng 12/2010- Khối VP	3341	150.060.000	
31/12	PC 475	Thủy CH VIPCO thanh toán tiền ăn ca tháng 12/2010	3342	5.220.000	
		Cộng		2.837.046.000	
Chi phí bán hàng (TK 641) tháng 12/2010					
31/12	PC 478	Thanh toán phí môi giới TNTX 2010 cho công ty TNHH Hồng Phúc	6411	35.525.455	
		Cộng		35.525.455	
Chi phí quản lý doanh nghiệp (TK 642) tháng 12/2010					
		...			
10/12	PC 438	Tấn PKD thanh toán tiếp khách	642	4.618.182	
20/12	PC 450	Thêm PTH thanh toán tiếp khách	642	5.746.000	
31/12	PC 473	Trang PTH thanh toán tiếp khách	642	5.000.000	
		Cộng		149.336.248	
		...			

Tổng phát sinh có: 7.420.422.940

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Biểu số 2.3.7

Mẫu số S02a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số CTGS: 002/12

Trích yếu	SHTK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền mặt tháng 12/2010				
Tiền gửi ngân hàng EXIMBANK(VNĐ)	11213	111	3.236.486.000	
Thuế GTGT đầu vào	133	111	71.993.059	
Phải thu khác	138	111	17.859.600	
Chi phí trả trước ngắn hạn	142	111	10.263.182	
Phải trả người lao động	334	111	2.837.046.000	
Phải trả, phải nộp khác	338	111	762.175.140	
Chi phí sản xuất chung	6274	111	36.738.256	
Chi phí bán hàng	6411	111	35.525.455	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	642	111	149.336.248	
...				
Cộng			7.420.422.940	

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.3.8

**CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG**

Mẫu số S02C1 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi số	CTGS		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12	002/12	31/12	<i>Chi phí bán hàng bằng tiền mặt tháng 12/2010</i>	111	35.525.455	
31/12	015/12	31/12	<i>Phân bổ khấu hao TSCĐ tháng 12/2010 cho bộ phận bán hàng</i>	214	34.964.365	
31/12	017/12	31/12	<i>Phải trả nhân viên bán hàng tháng 12/2010</i>	334	500.074.200	
			...			
31/12	021/12	31/12	<i>Kết chuyển chi phí bán hàng quý 4/2010</i>	911		3.464.720.899
			Cộng phát sinh		3.464.720.899	3.464.720.899

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.3.9

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Mẫu số S02C1 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ -
BTC

CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	CTGS		Diễn giải	SH TKĐ U	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			...			
31/12	002/12	31/12	<i>Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền mặt tháng 12/2010</i>	111	149.336.248	
31/12	004/12	31/12	Chi phí quản lý doanh nghiệp bằng tiền gửi ngân hàng tháng 12/2010	1121	20.937.724	
31/12	017/12	31/12	Phải trả nhân viên quản lý doanh nghiệp tháng 12/2010	334	176.850.000	
			...			
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN quý 4/2010	911		990.096.723
			Cộng phát sinh		990.096.723	990.096.723

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.3.10

CÔNG TY CP XĂNG DẦU VIPCO

Số:02b - DN

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC



ngày 20/3/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỐ

Quý 4 năm 2010

Chứng từ ghi số		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
001/12	31/12	6.724.506.275
002/12	31/12	7.420.422.940
003/12	31/12	64.054.462.956
004/12	31/12	80.425.553.926
...
014/12	31/12	26.814.845
015/12	31/12	111.691.592
016/12	31/12	41.233.070.761
017/12	31/12	2.851.792.000
018/12	31/12	725.809.434
019/12	31/12	465.161.768
020/12	31/12	126.501.377.831
021/12	31/12	126.501.377.831
Cộng		904.337.963.702

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được thực hiện từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Chi phí tài chính: tại công ty không phát sinh nhiều chi phí tài chính cho hoạt động tài chính. Hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí liên quan đến việc trả lãi vay ngân hàng.

Tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Doanh thu hoạt động tài chính gồm có: Lãi số dư tài khoản ngân hàng, lãi chênh lệch tỷ giá

- Chi phí tài chính gồm: chênh lệch tỷ giá bán hàng, trả lãi vay ngân hàng...

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo trả tiền lãi vay
- Các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

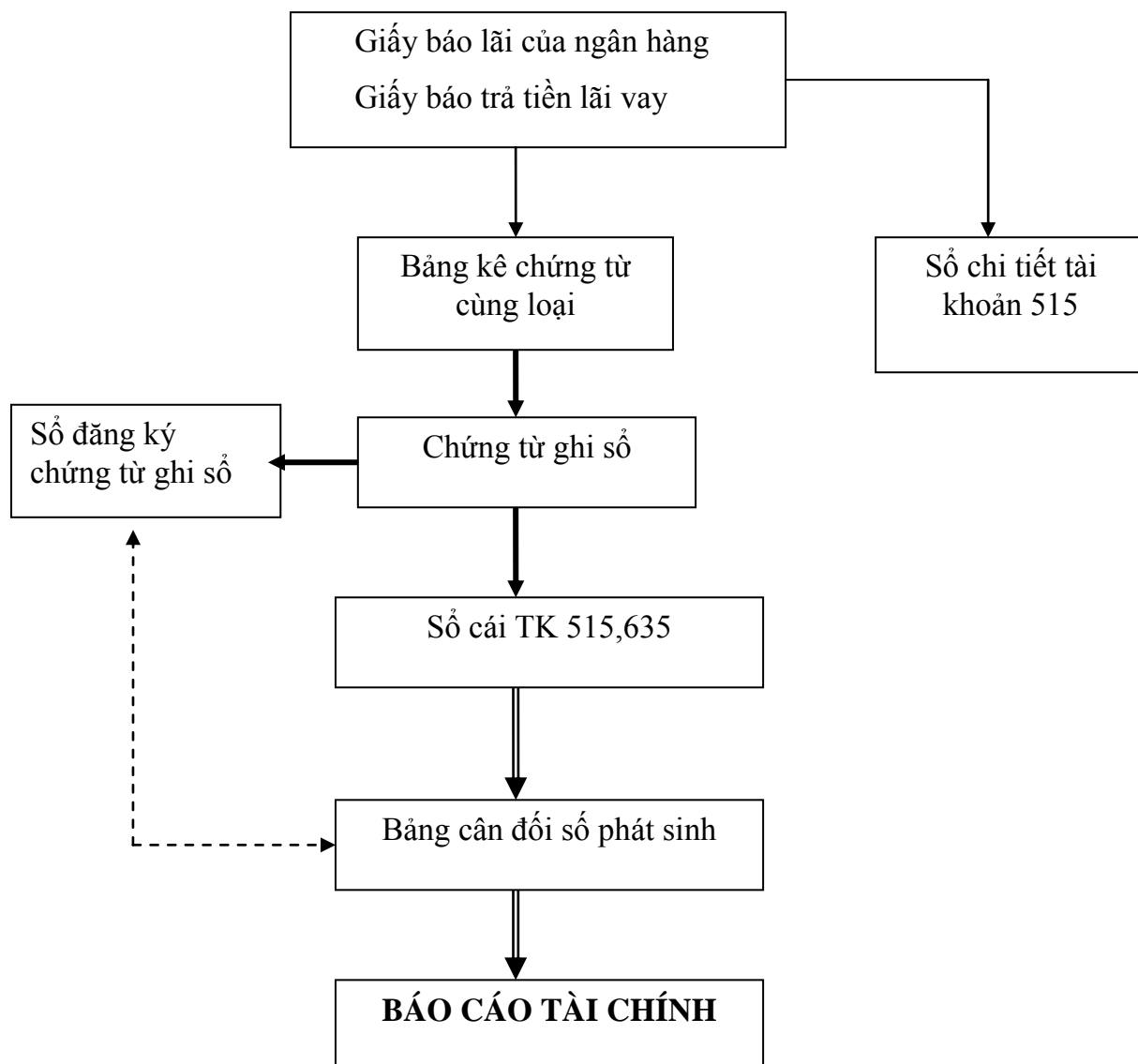
Kế toán công ty sử dụng tài khoản 515 – Doanh thu tài chính với 2 tài khoản chi tiết là:

- + Tài khoản 5154: Lãi tiền gửi ngân hàng
- + Tài khoản 5155: Lãi chênh lệch tỷ giá

Và sử dụng tài khoản 635 – “ Chi phí tài chính”.

Cuối quý, kế toán kết chuyển sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Quy trình hạch toán doanh thu tài chính, chi phí tài chính tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng được mô tả theo sơ đồ 2.5 như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi hàng tháng
- ==> Ghi theo quý, năm
- ←- - - -> Đối chiếu

Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV VIPCO Hải Phòng.

Quy trình hạch toán

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như giấy báo lãi của ngân hàng, giấy báo trả lãi vay,...kế toán vào Bảng kê chứng từ cùng loại đồng thời vào Sổ chi tiết tài khoản 515.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản như TK 515,1121...

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh.Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2010, nhận được giấy báo có của ngân hàng Công thương Hồng Bàng – Hải Phòng (Biểu số 2.5.1) về việc lãi số dư tài khoản của Công ty. Số tiền là 2.385.166 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Căn cứ vào Sổ phụ và Giấy báo có của ngân hàng, Kế toán phản ánh nghiệp vụ phát sinh này vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.5.2).

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.5.3). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản như TK 515 (Biểu số 2.5.4)...đồng thời ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.5.9)

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh.Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2010, Ngân hàng Công thương Hồng Bàng – Hải Phòng gửi giấy báo trả tiền lãi vay. Số tiền là: 2.544.333 đồng.

Quy trình kế toán chi tiết như sau:

Kế toán căn cứ vào Sổ phụ và Giấy báo nợ của ngân hàng (Biểu số 2.5.5) để phản ánh nghiệp vụ phát sinh này vào Bảng kê chứng từ cùng loại (Biểu số 2.5.6)

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại kế toán vào chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.5.7). Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ cái các tài khoản như TK 635 (Biểu số 2.5.8)...đồng thời ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ (Biểu số 2.5.9)

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh.Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.5.1

Ngân hàng Công thương

Chi nhánh: Công thương Hồng Bàng- Hải Phòng

SỔ PHỤ VNĐ

Ngày 31/12/2010

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng

Diễn giải:	GHI NỢ	GHI CÓ
Số dư đầu ngày		521.721.562
##Lãi nhập tiền gửi##		2.385.166
##Lãi tiền vay##	20.083.333	
Tổng số phát sinh trong ngày	20.083.333	2.385.166
Số dư cuối ngày		504.023.395
Giao dịch viên	Kiểm soát	

Ngân hàng Công thương

Chi nhánh: Công thương Hồng Bàng- Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Mã GDV: BATCH

Ngày: 31/12/2010

Mã KH: 10366

Số GD: 1579

Kính gửi: Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 0200820923

Số tiền bằng số: 2.385.166

Số tiền bằng chữ: Hai triệu ba trăm tám lăm nghìn một trăm sáu sáu đồng

Nội dung: ##Lãi số nhập gốc##

Giao dịch viên

Kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản: 1121(ghi nợ TK 1121) Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)

Từ ngày: 01/12/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	Ghi chú
Phải thu khách hàng (TK 131) tháng 12/2010					
		...			
30/12	GBC1111E	Công ty TNHH Việt Phong trả VS 418	131	300.000.000	
30/12	GBC1112E	Công ty TNHH Thành Công trả VS 418	131	586.000.000	
31/12	GBC1105H	Cty CP VT Biển Bắc trả tiền mua hàng	131	195.000.000	
31/12	GBC1106H	Cty CP VTB Thái Bình Dương trả CHSC	131	50.000.000	
		Cộng		39.077.507.750	
Phải thu khác (TK 138) tháng 12/ 2010					
01/12	GBC957C	Khách CHAH trả sai ĐVH	138	88.500.000	
02/12	GBC967C	Cty CPTM VTB Tường Phát Lộc trả tiền ĐL	138	87.604.568	
13/12	GBC1008H	Cty TNHH Đại Tân chuyển sai ĐVH	138	117.600.000	
		...			
		Cộng		356.705.460	
Doanh thu hoạt động tài chính (515) tháng 12/2010					
31/12	GBC1105H	Cty CP VT Biển Bắc trả tiền mua hàng(lãi chênh lệch tỷ giá)	515	157.086.000	
31/12	GBC1579C	Lãi số dư tài khoản	515	2.385.166	
		Cộng		366.355.972	
		...			

Tổng cộng phát sinh nợ: 64.054.462.956

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.5.3

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Mẫu số S02a - DN

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC



Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số :003/12

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Thu tiền gửi VNĐ tháng 12/2010			
Phải thu khách hàng	1121	131	39.077.507.750
Phải thu khác	1121	138	2.670.988.650
Doanh thu hoạt động tài chính	1121	515	366.355.972
...			
Cộng			64.054.462.956

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.5.4

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Mẫu số S02C1 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản : Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			...			
31/12	003/12	31/12	Thu tiền gửi VNĐ tháng 12/2010	1121		366.355.972
31/12	005/12	31/12	Thu tiền gửi ngoại tệ tháng 12/2010	1122		6.016.483
31/12	020/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính quý 4/ 2010	911	617.071.281	
			Cộng phát sinh trong quý 4/2010		617.071.281	617.071.281

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.5.5

Ngân hàng Công thương

Chi nhánh: Công thương Hồng Bàng- Hải Phòng

GIẤY BÁO NỢ

Ngày: 31/12/2010

Mã GDV: BATCH

Mã KH: 10366

Số GD: 1580

Kính gửi: Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi NỢ tài khoản của quý khách hàng với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi NỢ: 0200820923

Số tiền bằng số: 20.083.333

Số tiền bằng chữ: *Hai mươi triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng*

Nội dung: ##Lãi tiền vay##

Giao dịch viên

Kiểm soát

Biểu số 2.5.6

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



BẢNG KÊ CHỨNG TỪ

Tên tài khoản: 1121(ghi có TK 1121)

Tiền gửi ngân hàng (VNĐ)

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày	Số CT	Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số tiền	Ghi chú
Phải trả người bán (TK 331) tháng 12/2010					
01/12	GBN 728C	Trả tiền hàng Khu vực 3	331	200.000.000	
03/12	GBN 743C	Trả tiền hàng B12	331	1.400.000.000	
		...			
		Cộng		60.518.318.510	
Phải trả, phải nộp khác(TK 338) tháng 12/2010					
09/12	GBN 773H	Cước mobile phone tháng 12, tàu H28	338	117.000	
14/12	GBN 784H	Cước vận chuyển CHAH	338	64.545.455	
		...			
		Cộng		176.607.776	
Chi phí tài chính (TK 635) tháng 12/2010					
31/12	GBN1580C	<i>Lãi tiền vay ngân hàng Công Thương</i>	635	20.083.333	
31/12	GBN 893H	Lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải	635	33.489.250	
		...			
		Cộng		322.850.078	
		...			

Tổng phát sinh có: 80.425.553.926

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Biểu số 2.5.7

Mẫu số S02a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số CTGS: 004/12

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chi tiền gửi VNĐ tháng 12				
Thuế GTGT được khấu trừ	1331	1121	8.598.184	
Phải thu khác	138	1121	390.824.728	
Phải trả người bán	331	1121	60.518.316.510	
Phải trả phải nộp khác	338	1121	176.607.776	
Chi phí tài chính	635	1121	322.850.078	
...			...	
Cộng			80.425.553.926	

Kèm theo:.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.5.8

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Mẫu số S02C1 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC



SỔ CÁI

Tên tài khoản : Chi phí tài chính tài chính

Số hiệu: 635

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			...			
31/12	003/12	31/12	Chi tiền gửi VNĐ tháng 12/2010	1121	322.850.078	
31/12	005/12	31/12	Chi tiền gửi ngoại tệ tháng 12/2010	1122	314.020.922	
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính quý 4/2010	911		1.055.145.000
			Cộng phát sinh		1.055.145.000	1.055.145.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.5.9

CÔNG TY CP XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Số:02b - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC

ngày 20/3/2006 của BTC

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Quý 4 năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
...
001/12	31/12	6.724.506.275
002/12	31/12	7.420.422.940
003/12	31/12	64.054.462.956
004/12	31/12	80.425.553.926
005/12	31/12	1.947.430.680
006/12	31/12	2.486.701.395
...
017/12	31/12	2.851.792.000
018/12	31/12	725.809.434
019/12	31/12	465.161.768
020/12	31/12	126.501.377.831
021/12	31/12	126.501.377.831
Cộng		904.337.963.702

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập nằm ngoài các khoản thu trên. Tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, các khoản thu nhập khác phát sinh không nhiều, chủ yếu thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, các khoản chi phí khác phát sinh không nhiều, chủ yếu là giá trị còn lại của tài sản cố định khi thanh lý, nhượng bán.

➤ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01- GTKT- 3LL)
- Quyết định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản bàn giao tài sản cố định.

➤ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 811 – Chi phí khác và tài khoản 711 – Thu nhập khác.

Quy trình hạch toán

Hàng ngày, khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào chứng từ gốc như quyết định thanh lý tài sản cố định và biên bản bàn giao tài sản cố định, Hóa đơn GTGT,... kế toán ghi vào Bảng kê chứng từ cùng loại đồng thời ghi vào sổ chi tiết các tài khoản có liên quan.

Cuối tháng, căn cứ vào Bảng kê chứng từ cùng loại, kế toán vào Chứng từ ghi sổ. Từ chứng từ ghi sổ, kế toán ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và Sổ cái các tài khoản như TK 711, TK 811...

Cuối quý hoặc cuối năm, từ Sổ cái các tài khoản, kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng chủ yếu là kinh doanh xăng dầu nên kết quả kinh doanh chủ yếu của công ty là từ hoạt động kinh doanh các loại xăng dầu. Nhưng trong năm 2010, công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng không phát sinh các khoản thu nhập hay chi phí khác.

Số liệu mang tính chất kế thừa, tổng hợp của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trước đó, vì thế để đảm bảo thông tin chính xác kế toán phải thường xuyên kiểm tra, đối chiếu với các chứng từ gốc về thu nhập, chi phí.

➤ **Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

➤ **Tài khoản sử dụng**

❖ Công ty dùng tài khoản 911 để phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- TK 9111: Kết quả kinh doanh xăng dầu chính
- TK 9112: Kết quả kinh doanh dầu mỡ nhờn
- TK 91131: Kết quả kinh doanh Vận tải thủy+ kinh doanh xăng dầu
- TK 91138: Xác định kết quả đại lý hàng hóa
- TK 9114: Xác định hoạt động tài chính
- TK 9115: Kết quả hoạt động khác (là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp).

❖ Tài khoản 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN).

❖ Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

❖ Các tài khoản khác có liên quan.

Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác sang bên Có tài khoản 911. Kết chuyển giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, chi phí tài chính, chi phí khác sang bên Nợ tài khoản 911.

Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán kết chuyển phần chênh lệch sang bên Nợ TK 421 – Lợi nhuận sau thuế.

Nếu tổng số phát sinh bên Nợ tài khoản 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có tài khoản 911 thì chứng tỏ trong năm công ty kinh doanh có lãi. Kế toán tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp Nhà nước như sau:

Xác định thu nhập chịu thuế = Số phát sinh bên Có TK911 – Số phát sinh bên Nợ TK 911

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * thuế suất thuế TNDN

Khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán căn cứ vào số thuế TNDN đã trích nộp đầu các quý để tính số thuế thu nhập còn phải nộp hay được ghi giảm.

Sau khi tính được số thuế thu nhập phải nộp, kế toán thực hiện kết chuyển chi phí thuế TNDN sang bên Nợ TK 911. Từ đó, xác định số lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp để kết chuyển sang bên Có TK 421 – “ Lợi nhuận sau thuế”.

Cuối tháng 12/2010. Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh quý 4/2010.

- Kế toán lập các phiếu kế toán để kết chuyển doanh thu, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Sau đó, xác định thuế TNDN mà Công ty phải nộp. Từ đó, xác định được số tiền lãi của Công ty trong kỳ. Sau đó, kế toán ghi Sổ cái TK 911 và Sổ cái TK 421.

Bút toán kết chuyển như sau:

+/ Nợ TK 511:	125.052.226.490
Nợ TK 515:	617.071.281
Có TK 911:	125.669.297.771
+/ Nợ TK 911:	126.501.377.831
Có TK 632:	120.991.415.209
Có TK 635:	1.055.145.000
Có TK 641:	3.464.720.899
Có TK 642:	990.096.723

Xác định kết quả kinh doanh, ta có:

$$125.669.297.771 - 126.501.377.831 = -832.080.060$$

=> Quý 4/2010, Công ty bị lỗ 832.080.060 đồng. Do vậy, quý này công ty không phải nộp thuế TNDN và định khoản lỗ như sau:

+/ Nợ TK 421:	832.080.060
Có TK 911:	832.080.060

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Biểu số 2.6.1



PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 275

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
511	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	125.052.226.490	
515	Doanh thu hoạt động tài chính	617.071.281	
42121	Lỗ	832.080.060	
911	Xác định kết quả kinh doanh		126.501.377.831

Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi một đồng.

Kèm theo.....chứng từ gốc

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



PHIẾU KẾ TOÁN

Số : 276

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tài khoản	Tên tài khoản	Nợ	Có
632	Giá vốn hàng bán	120.991.415.209	
635	Chi phí tài chính	1.055.145.000	
641	Chi phí bán hàng	3.464.720.899	
642	Chi phí quản lý doanh nghiệp	990.096.723	
911	Xác định kết quả kinh doanh		126.501.377.831

Bằng chữ: Một trăm hai mươi sáu tỷ năm trăm linh một triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn tám trăm ba mươi một đồng.

Kèm theo:.....chứng từ gốc.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.6.3

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Mẫu số S02a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số CTGS: 020/12

Trích yếu	Số hiệu		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển doanh thu quý 4/2010			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	511	125.052.226.490
Doanh thu hoạt động tài chính	911	515	617.071.281
Lỗi	911	421	832.080.060
Cộng			126.501.377.831

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.6.4

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG



Mẫu số S02a - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Ngày 31/12/2010

Số CTGS: 021/12

Trích yếu	Số hiệu TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Kết chuyển chi phí, giá vốn quý 4/2010			
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	120.991.415.209
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	1.055.145.000
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	3.464.720.899
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	990.096.723
Cộng			126.501.377.831

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Biểu số 2.6.5

CTY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO

Mẫu số S02C1 - DN

CTY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC



Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi số	CTGS		Diễn giải	SH TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12	020/12	31/12	Kết chuyển doanh thu			
			Doanh thu	511		125.052.226.490
			Doanh thu hoạt động tài chính	515		617.071.281
			Lỗ	421		832.080.060
31/12	021/12	31/12	Kết chuyển chi phí, giá vốn			
			Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	120.991.415.209	
			Kết chuyển chi phí tài chính	635	1.055.145.000	
			Kết chuyển chi phí bán hàng	641	3.464.720.899	
			Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	990.096.723	
			Cộng phát sinh		126.501.377.831	126.501.377.831

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế cả năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1	VI.25	125.052.226.490	118.336.262.470	459.396.966.019	308.796.879.202
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.26				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.27	125.052.226.490	118.336.262.470	459.396.966.019	308.796.879.202
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	120.991.415.209	114.970.832.107	443.215.069.913	296.083.965.432
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		4.060.811.281	3.365.430.363	14.181.896.106	12.712.913.770
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	617.071.281	183.027.031	1.248.070.865	1.235.984.423
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	1.055.145.000	881.343.121	1.993.811.510	1.827.579.230
Trong đó: chi phí lãi vay	23		968.550.235		1.785.002.500	
8. Chi phí bán hàng	24		3.464.720.899	2.802.822.408	10.896.083.645	8.284.881.095
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		990.096.723	643.763.990	3.376.416.109	3.221.311.934
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		-832.080.060	-779.472.125	1.163.655.707	615.125.934
11. Thu nhập khác	31					
12. Chi phí khác	32			10.624.818		10.624.818
13. Lợi nhuận khác (33=31-32)	40			-10.624.818		-10.624.818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		-832.080.060	-790.096.943	1.163.655.707	604.501.116
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31			290.913.926	151.125.279
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.32				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		-832.080.060	-790.096.943	872.741.781	453.375.837
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIPCO HẢI PHÒNG.

3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Nền kinh tế luôn vận động và phát triển mạnh mẽ. Những biến động của nền kinh tế thị trường ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, bên cạnh những thuận lợi, công ty phải đương đầu với không ít khó khăn do những yếu tố khách quan của thị trường và cả những yếu tố chủ quan khác tác động. Mặc dù vậy, công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, ngày càng khẳng định vị trí của mình trên thị trường.

Trong công tác kế toán: công ty luôn đảm bảo đúng nguyên tắc hạch toán kế toán, đặc biệt là trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán công ty đã thực hiện và áp dụng các chế độ kế toán Nhà nước một cách triệt để, đúng với yêu cầu và nguyên tắc kế toán đặt ra.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận của quá trình kế toán của công ty. Vì vậy, nó không ngừng đổi mới và hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu thông tin của nhà quản lý.

3.1.1. Ưu điểm

Trong quá trình tìm hiểu các phân hành kế toán tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, em nhận thấy công ty có những ưu điểm như sau:

- **Về bộ máy kế toán**
- ❖ **Đối với công tác kế toán**

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của công ty và là bộ

phần quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, công ty nên nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh :

- Mô hình bộ máy kế toán của công ty là kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán trên văn phòng công ty.

- Bộ phận kế toán của Công ty đã không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cao để đáp ứng nhu cầu kinh doanh ngày một đa dạng của Công ty. Đến nay, hệ thống kế toán của Công ty được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, gọn nhẹ, nắm chắc chức năng của từng bộ phận mình quản lý.

- Bộ máy kế toán được tổ chức sắp xếp tương đối phù hợp với yêu cầu công việc và khả năng trình độ của từng người. Công ty có đội ngũ kế toán viên trẻ, nhiệt tình, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Công tác kế toán đi vào nề nếp, các chi phí phát sinh không cao so với dự toán chi phí kế hoạch năm, do đó công tác kế toán không bị biến động lớn.

- Kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác cho việc xác định kết quả kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

- Khi phòng kinh doanh tìm hiểu thị trường, các đối tác dự thảo hợp đồng mua bán, phương án kinh doanh thì kế toán cũng tham gia tính chặt chẽ của phương án kinh doanh, xác định nhu cầu vốn cần sử dụng. Bên cạnh đó, kế toán cần kiểm tra tính pháp lý ghi trong điều khoản.

- Kết quả sản xuất kinh doanh của công ty năm 2010 đã phản ánh khá đầy đủ doanh thu, chi phí phát sinh theo đúng chế độ tài chính kế toán hiện hành của Nhà nước.

Như vậy, công ty đã thực hiện đúng các chế độ chế toán do BTC quy định, kịp thời sửa đổi, bổ sung theo những thông tư, chuẩn mực và luật kinh tế mới. Cuối các niên độ kế toán, kế toán đã tiến hành lập và phân tích một số chỉ tiêu tài chính quan trọng như: tỷ suất sinh lời, khả năng trả nợ của công ty...Nhằm đưa ra các biện pháp ngăn ngừa và hạn chế những hậu quả xấu xảy ra.

❖ **Chứng từ, sổ sách áp dụng**

- Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và tính pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Tổ chức luân chuyển chứng từ hợp lý.

- Công ty áp dụng hệ thống tài khoản theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Đồng thời, trong quá trình hạch toán công ty phản ánh một cách chi tiết, cụ thể phù hợp với yêu cầu quản lý của Công ty.

➤ **Về bộ máy quản lý**

Cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự sáng suốt của Ban quản trị, Công ty đã năng động trong việc chuyển đổi cơ chế, mạnh dạn phát triển, đa dạng hóa mặt hàng kinh doanh, tìm kiếm bạn hàng mới... với sự nỗ lực đó của Công ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những mặt tích cực cần được phát huy thì công tác kế toán của công ty vẫn còn một số hạn chế cần được khắc phục.

❖ **Về bộ máy kế toán và công tác ghi chép sổ sách kế toán.**

- Tuy bộ máy kế toán của công ty bao gồm những người năng động, nhiệt tình nhưng do sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

- Hiện tại, công ty đang áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Công ty làm kế toán thủ công và lập chương trình kế toán trên Excel để hỗ trợ làm việc chứ không dùng phần mềm kế toán chuyên dụng nên việc xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh còn chậm và hay sai sót, mất nhiều thời gian, phải lập nhiều sổ, đôi khi đối chiếu còn dẫn đến nhầm lẫn.

❖ **Công tác hạch toán giá vốn hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải.**

- Toàn bộ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung được hạch toán vào tài khoản 627 để theo dõi chung. Điều này làm cho

doanh nghiệp không thể theo dõi được cơ cấu của từng hạng mục chi phí.

- Bên cạnh đó, các khoản chi phí này cũng không được theo dõi cho từng đơn hàng, làm cho công tác theo dõi không được chi tiết, hiệu quả.

❖ **Công tác theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

- Tại công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng có phát sinh chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Kế toán công ty không mở sổ theo dõi chi tiết tài khoản 641 và tài khoản 642, làm cho việc theo dõi các khoản chi phí phát sinh không được chi tiết và khó khăn trong việc quản lý dẫn đến việc khó tiết kiệm được chi phí.

❖ **Trích lập dự phòng phải thu khó đòi**

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng, theo báo cáo của phòng kế toán (Biểu số 3.1) nợ chưa đến hạn của công ty là 12.775.747.540, nợ đến hạn là 11.257.583.210, nợ quá hạn là 3.680.452.350 và nợ không đòi được là 78.560.000 nhưng công ty vẫn chưa trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Điều này dẫn đến công ty không có khoản dự phòng bù đắp rủi ro xảy ra, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, gây thiếu vốn trong kinh doanh, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

❖ **Chính sách thu hồi nợ và áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán**

- Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ, lượng nợ phải thu lớn, gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng lớn đến công ty trong quá trình kinh doanh.

- Hiện tại, công ty chưa có chính sách chiết khấu thanh toán cho các khách hàng thanh toán trước hạn,... Điều này dẫn đến khách hàng chậm thanh toán, vòng quay vốn của công ty kéo dài ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng không nhỏ đến nhỏ đến hoạt động lâu dài và phát triển bền vững mà công ty đã và đang xây dựng.

❖ **Hệ thống sổ sách kế toán.**

- Bảng kê hàng hóa và Bảng kê hàng hóa xuất thực chất là Sổ chi tiết tài khoản 632, tài khoản 511 theo dõi doanh thu và giá vốn của từng loại hàng hóa bán ra trong kỳ,

tên gọi không theo quy định thông thường đã làm cho công tác theo dõi gặp phải khó khăn. Đối với công tác theo dõi và hạch toán các khoản chi phí phát sinh kế toán công ty không mở sổ chi tiết để theo dõi. Điều này khiến cho việc kiểm tra đối chiếu gặp khó khăn.

Biểu số 3.1

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

BÁO CÁO NỢ PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đến ngày : 31 tháng 12 năm 2010

STT	Tên công ty	Số tiền	Trong đó			
			Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Không đòi được
1	Công ty TNHH Hồng Phúc	1.696.616.607	820.499.005	876.117.602		
2	TCT CNTT Bạch Đằng	4.426.087.718	2.152.369.421	2.273.718.297		
3	Công ty CP VTB và TM Đại Việt	4.709.157.485	2.420.269.550	1.708.560.450	580.327.485	
4	Công ty CP 27/07	2.885.150.000	1.379.003.679	1.050.246.321	455.900.000	
5	Công ty CP Cánh Đồng Xanh	1.697.550.000		1.670.800.000		26.750.000
6	Công ty CP Quang Hải	4.580.052.321	2.893.251.452	1.686.800.869		
	...					
	Cộng	27.792.343.100	12.775.747.540	11.257.583.210	3.680.452.350	78.560.000

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, không ngừng đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay. Vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ phận quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp.

Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng tài sản hợp lý của đơn vị mình. Hơn nữa, Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho mọi đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như nhà đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy, điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các Báo cáo tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh, làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn làm được điều đó thì trước hết doanh nghiệp phải thực hiện tốt khâu bán hàng vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lập các Báo cáo tài chính cuối kỳ, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.
- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá

trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian, tạo thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, đưa ra phương hướng kinh doanh cho kỳ tới.

3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng cao thì việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng phải dựa trên những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Để đáp ứng nhu cầu về quản lý đồng bộ hoạt động kinh tế tài chính của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước, Nhà nước ta đã xây dựng và ban hành hệ thống kế toán và chế độ kế toán. Đây là những văn bản có tính bắt buộc. Bởi vậy khi hoàn thiện không vi phạm chế độ kế toán. Mặc dù vậy doanh nghiệp cũng cần có sự linh hoạt trong việc vận dụng chế độ kế toán để phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh của công ty. Nếu doanh nghiệp thấy không phù hợp thì có kiến nghị sửa đổi, bổ sung trong khuôn khổ nhất định và có sự cho phép của cấp có thẩm quyền.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Mỗi công ty có những đặc điểm khác nhau về tổ chức sản xuất kinh doanh, loại hình kinh doanh và trình độ yêu cầu quản lý. Do vậy việc vận dụng hệ thống, chế độ, thể lệ tài chính kế toán trong doanh nghiệp phải hợp lý, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở đáp ứng yêu cầu về thông tin phải nhanh chóng, kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

- Hoàn thiện trên cơ sở tiết kiệm chi phí: Doanh nghiệp hoạt động với mục đích

chủ yếu là lợi nhuận, lợi nhuận càng cao chứng tỏ doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, ngày càng phát triển. Do đó, không thể tách rời hoạt động của doanh nghiệp với mục đích hạch toán kinh tế.

3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

Mục tiêu hàng đầu của bất kỳ một doanh nghiệp kinh doanh thương mại là tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó thì việc thực hiện tốt khâu bán hàng là rất quan trọng. Nó không ngừng góp phần tạo doanh thu của Công ty mà còn khẳng định vị thế của doanh nghiệp trên thị trường, góp phần phát triển kinh tế của đất nước. Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu và thông qua kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.

➤ **Ý kiến 1: Về tổ chức bộ máy kế toán và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán.**

Để có bộ máy kế toán hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả, đảm bảo cho việc cung cấp thông tin, số liệu phục vụ cho việc lập báo cáo theo quy định của pháp luật thì cần hoàn thiện bộ máy kế toán và hạch toán kế toán trong công ty.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán. Công ty nên cho nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các lớp tin học, các khóa học về sử dụng phần mềm kế toán để nâng cao hiệu quả giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu của nhà quản lý.

Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế thị trường, sự ứng dụng khoa học công nghệ đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Để theo kịp thời đại và áp dụng yêu cầu quản lý, công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán.

Trên thị trường hiện nay, có rất nhiều các phần mềm kế toán để công ty có thể lựa chọn như: Phần mềm kế toán MISA, SMART, VACOM, SASINNOVA,... Công ty có thể tìm thêm các đối tác để mua hoặc đặt hàng phần mềm để phù hợp với đặc điểm kinh doanh và đặc điểm bộ máy kế toán.

Việc áp dụng phần mềm kế toán tại doanh nghiệp thể hiện sự nhanh nhẹn, thích

nghi với nền công nghiệp hiện đại. Hiện tại, phòng kế toán đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ công tác kế toán. Đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công ty.

Công ty thực hiện tốt việc áp dụng phần mềm kế toán giúp cải thiện hiệu quả làm việc của công ty cho dù công ty là nhỏ hay lớn. Ngay cả những phần mềm kế toán đơn giản nhất cũng có thể mang lại điều này. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng. Phần mềm kế toán giúp tối ưu hóa quá trình kinh doanh để có thể quản lý một cách đơn giản và dễ dàng hơn. Hơn nữa, nó dễ dàng chia sẻ dữ liệu cho các chương trình kinh doanh khác và thực hiện các báo cáo phục vụ cho kinh doanh. Bên cạnh đó còn giúp quản lý các đầu mục chi phí một cách hợp lý.

Khi áp dụng phần mềm kế toán giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ nhưng vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Bộ máy kế toán sắp xếp đúng người, đúng việc để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác.

Từ đó, giúp tiết kiệm chi phí và nâng cao hiệu quả cho công ty.

➤ **Ý kiến 2: Về công tác tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm dịch vụ.**

Công ty có phát sinh các khoản chi phí sản xuất như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Các khoản chi phí này phát sinh tại các đội tàu của công ty vì công ty có dịch vụ vận tải biển. Kế toán công ty đã hạch toán các khoản chi phí phát sinh trên vào cùng một tài khoản 627- Chi phí sản xuất chung, làm cho việc theo dõi các khoản chi phí nói trên không chính xác, qua đó không sát sao được tình hình phát sinh chi phí của các đội tàu.

Do đó, kế toán công ty nên hạch toán riêng các khoản chi phí trên để dễ theo dõi và quản lý. Kế toán có thể sử dụng các tài khoản:

- Tài khoản 621: Chi phí nguyên vật liệu.
- Tài khoản 622: Chi phí nhân công trực tiếp.
- Tài khoản 627: Chi phí sản xuất chung.

Khi cung cấp xăng nguyên vật liệu (xăng dầu...) cho các đội tàu thì kế toán công ty có thể hạch toán như sau:

Nợ TK 621:

Có TK 152, 331, 111, 112..

Tiền lương phải trả cho nhân viên làm việc trên tàu:

Nợ TK 622

Có TK 334, 338

Chi phí sản xuất chung liên quan đến đội tàu

Nợ TK 627

Có TK 142, 214, 111, 112...

Việc hạch toán riêng các khoản chi phí nói trên giúp cho công ty có thể theo dõi một cách chính xác và chi tiết từng loại chi phí phát sinh trong kỳ. Qua đó, kế toán công ty có thể biết khoản chi phí nào phát sinh nhiều. Từ đó có thể tìm ra những giải pháp giảm chi phí một cách hiệu quả.

➤ **Ý kiến 3: Về công tác theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Để thực hiện tốt công tác theo dõi và quản lý chi phí thì kế toán công ty nên mở chi tiết các tài khoản 641 và 642 như:

- ✓ Tài khoản 641 có thể mở thành các tài khoản cấp 2 như:
 - TK 6411: Chi phí nhân viên bán hàng (lương và các khoản trích theo lương).
 - TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài (thuê bến bãi, thuê bốc dỡ vận chuyển, tiền hoa hồng)
 - TK 6418: Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm).
 - ✓ Tài khoản 642 có thể mở chi tiết thành các tài khoản cấp 2 như sau:
 - TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý (lương và các khoản trích theo lương).
 - TK 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - TK 6426: Chi phí dự phòng
 - TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, tiền nước...)
 - TK 6428: Chi phí bằng tiền khác (chi phí tiếp khách, công tác phí...).
- Qua việc mở chi tiết các khoản chi phí trên, sẽ giúp cho công ty dễ dàng theo dõi

một cách chi tiết các khoản chi phí phát sinh trong kỳ kế toán. Từ đó, giúp nhà quản trị có thể thấy những khoản chi phí nào phát sinh nhiều, vượt quá mức để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả, tránh lãng phí nâng cao lợi nhuận cho công ty.

.

CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG
Số 37- Phan Bội Châu- Hồng Bàng- Hải Phòng

Mẫu số S36 - DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày: 01/10/2010 đến ngày: 31/12/2010

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Ghi nợ tài khoản 642					
	Số hiệu	Ngày tháng			Chia ra					
					Tổng số tiền	6421	6424	6426	6427	6428
A	B	C	D	E	1	2		3	4	5
							
01/12	PC 427	01/12	Them lai xe thanh toan tien tiep khách	111	6500000					6500000
			...							
19/12	GBN 775	19/12	Cước VNPT tháng 11/2010. VP CTY	112	3969735				3969735	
20/12	PKT 217	20/12	Trích khấu hao TSCĐ quý 4/2010				21.018.815			
21/12	PC 461	21/12	Tân phòng kinh doanh thanh toán tiếp khách	111	9254545					9254545
			...							
31/12	PKT 261	31/12	Trích BHXH tháng 12 /2010	3383	35000000	35.000.000				
31/12	PKT 262	31/12	Phải trả tiền lương tháng 12/2010	334		176.850.000				
							
			Cộng		990.096.723	574.160.000	21.018.815		94.164.335	300.753.573

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi họ tên)

➤ **Ý kiến 4: Về công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi.**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán (Thông tư 13/2006/TT-BTC). Tại công ty, còn những khoản nợ phải thu quá hạn mà kế toán chưa tiến hành trích lập. Vì vậy, kế toán công ty cần trích lập dự phòng phải thu khó đòi để giúp công ty làm việc hiệu quả.

Các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau :

- + Số tiền phải thu phải theo dõi được cho từng đối tượng, theo từng nội dung, từng khoản nợ, trong đó ghi rõ số nợ phải thu khó đòi;
- + Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả bao gồm: Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ. . .

Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất

Căn cứ xác định nợ phải thu khó đòi:

- + Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được.
- + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Phương pháp lập dự phòng

Công ty phải theo dõi theo dõi và thu hồi công nợ đúng hạn, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Công ty nên tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh khi khách hàng không có khả năng thanh toán. Mức trích lập theo quy định của chế độ kế toán hiện hành như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Cuối kỳ kế toán, Công ty căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là chắc chắn không thu được, kế toán tiến hành tính toán và trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Sau khi trích lập dự phòng cho từng khoản phải thu khó đòi, công ty tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào Bảng kê chứng từ để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

❖ **Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 139 – Dự phòng phải thu khó đòi.

Tài khoản 139 có kết cấu như sau:

Bên Nợ:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi;
- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

Bên Có:

- Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Số dư bên Có:

Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ.

❖ **Phương pháp hạch toán:**

- Tại ngày 31/12/N trích lập dự phòng phải thu khó đòi lần đầu cho năm N+1.

Nợ TK 642

Có TK 139

- Trong năm N+1, khi phát sinh tổn thất thực tế, căn cứ vào quy định cho phép xóa sổ khoản nợ phải thu khó đòi, kế toán ghi:

Nợ TK 139

Nợ TK 642

Có TK 131, 138

Đồng thời ghi Nợ TK 004 – Nợ khó đòi đã xử lý

-Các khoản nợ phải thu khó đòi, sau khi có quyết định xử lý xóa sổ, công ty vẫn

phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và trên TK 004 trong thời gian tối thiểu là 05 năm và tiếp tục có các biện pháp thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112,.. . .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 - Nợ khó đòi đã xử lý.

- Tại ngày 31/12/N+1:

+ Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp không phải trích lập

+ Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích lập thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch.

+ Nếu số dự phòng phải trích lập nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

Ví dụ: Tại công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng trong năm 2010 có phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi với tổng số tiền quá hạn là 3.680.452.350 đồng . Cụ thể như là khoản nợ quá hạn của Công ty Cổ phần vận tải biển và thương mại Đại Việt là 580.327.485 đồng. (Biểu số 3.1).

Vậy kế toán công ty sẽ trích lập dự phòng cho khoản nợ quá hạn là

Nợ TK 642: 1.104.135.705

Có TK 139: 1.104.135.705

Còn đối với khoản nợ không đòi được của các công ty như Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh, công ty đã nhiều lần cử nhân viên đến đòi nợ nhưng vẫn không đòi được và hiện tại thì có công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh đã bị phá sản nên tổng khoản nợ không đòi được sẽ được kế toán thực hiện xóa sổ :

Nợ TK 139: 78.560.000

Có TK 131: 78.560.000

Ý nghĩa của việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi là: giúp công ty đánh giá được khả năng tính toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp cho tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của

công ty.

➤ **Ý kiến 5: Về chính sách thu hồi nợ và chính sách chiết khấu thanh toán**

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng có số lượng khách hàng nợ lớn. Để có thể thu hồi vốn nhanh, rút ngắn vòng quay vốn thì công ty cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Để thực hiện thành công chính sách thu hồi nợ thì công ty cần có những biện pháp sau:

- Công ty phải thường xuyên quan tâm đốc thúc khách hàng nợ tiền và những người liên quan tham gia sát xao vào công tác thu hồi nợ.

- Có chế độ thưởng phạt rõ ràng cho các cá nhân đạt thành tích tốt trong công tác thu hồi nợ cũng như là không hoàn thành nhiệm vụ.

- Đưa ra những chính sách để khuyến khích khách hàng trả nợ sớm trong đó quan trọng là chính sách chiết khấu thanh toán.

Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đầy cạnh tranh thì đây là một yếu tố cần thiết cho sự tồn tại của công ty.

Để áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán, trước hết công ty cần xây dựng chính sách chiết khấu phù hợp. Xác định mức chiết khấu thanh toán cho khách hàng dựa trên:

- Tỷ lệ lãi vay ngân hàng hiện nay
- Thời gian thanh toán tiền hàng
- Dựa vào mức chiết khấu thanh toán của doanh nghiệp cùng loại
- Dựa vào hoạch định chính sách kinh doanh của doanh nghiệp.

Sau khi xác định được mức trích chiết khấu hợp lý, công ty cần thực hiện việc ghi chép thông qua tài khoản 635- Chi phí tài chính.

Nợ TK 635:

Có TK 131, 111, 112,...

Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

➤ **Ý kiến 6: Hệ thống sổ sách kế toán.**

Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng nên mở sổ chi tiết theo dõi cho từng đối tượng chi phí phát sinh để có thể dễ dàng đối chiếu và kiểm tra một cách chính xác các khoản chi phí của công ty. Từ đó, có thể hoạch định ra các phương pháp giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả nhất, đạt được lợi nhuận cao nhất. Do đó, công ty có thể mở **Sổ chi phí sản xuất kinh doanh theo dõi cho chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (Biểu số 3.2).**

Ngoài ra, kế toán Công ty nên đổi tên **Bảng kê hàng hóa nhập và Bảng kê hàng hóa xuất** thành **Sổ chi tiết tài khoản 632 và Sổ chi tiết tài khoản 511 (Biểu số 3.3)** để người đọc có thể dễ hiểu hơn.

CÔNG TY CP VẬN TẢI XĂNG DẦU VIPCO
CÔNG TY TNHH MTV VIPCO HẢI PHÒNG

Biểu số 3.3



SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 511

Tài khoản : 511112D1- Dầu Diesel 0.25%S
 Nguồn hàng : TNTX Nguồn B12
 Phương thức: Xuất bán tàu biển/ tái xuất
 Kho hàng: CH SC & Tàu H22

Từ ngày: 01/10/2010 Đến ngày: 31/12/2010

Số HĐ	Ngày HĐ	Tên hàng hóa	ĐVT TT	SỐ LƯỢNG				Giá	Tổng tiền thanh toán	Trong đó		
				SI_Itt	SI_I15	SI_kg	SI cái			Tiền hàng	Tiền lpgt	VATh+dv
...			
017483	03/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.962	11.891	10.000		0.758	147.810.000	147.810.000		
017484	04/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	9.568	9.512	8.000		0.763	119.028.000	119.028.000		
017486	06/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	14.598	14.512	12.000		0.768	179.712.000	179.712.000		
017487	06/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	35.884	35.672	30.000		0.765	447.525.000	447.525.000		
017488	06/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	14.354	14.269	12.000		0.770	180.180.000	180.180.000		
017491	10/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.920	11.850	10.000		0.778	151.710.000	151.710.000		
017492	10/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.920	11.850	10.000		0.778	151.710.000	151.710.000		
017494	13/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	11.904	11.834	10.000		0.778	151.710.000	151.710.000		
017495	15/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	23.840	23.699	20.000		0.778	303.420.000	303.420.000		
017497	15/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	17.856	17.751	15.000		0.795	232.537.500	232.537.500		
017498	24/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	13.081	13.004	11.000		0.805	172.672.500	172.672.500		
019572	31/12/2010	Diesel 0.25% S	Kg	17.838	17.733	15.000		0.805	235.462.500	235.462.500		
Tổng chung				194.725	193.577	163.000			14.161.945.453	14.161.945.453		

Hải Phòng, ngày 31 tháng 01 năm 2011

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(ký, ghi rõ họ tên)

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng*” em đã rút ra được những kết luận sau:

✓ *Về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng:*

- Trong quá trình tìm hiểu các phần hành kế toán tại công ty, em nhận thấy bộ máy kế toán công ty không ngừng tìm tòi, hoàn thiện và nâng cấp để áp ứng nhu cầu kinh doanh, kế toán thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu pháp hiện các nghiệp vụ bất thường, đảm bảo cung cấp thông tin chính xác. Công ty đã thực hiện đúng chế độ kế toán do BTC quy định, kịp thời sửa đổi, bổ sung theo những thông tư, chuẩn mực kế toán và luật kinh tế mới. Các chứng từ, tài khoản sử dụng theo đúng mẫu của BTC ban hành thông tin ghi chép đầy đủ.

- Bên cạnh đó thì tại công ty vẫn tồn tại một số hạn chế như:

+ Sự phân công công việc cho các nhân viên chưa phù hợp, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán. Điều này làm ảnh hưởng đến năng suất, hiệu quả làm việc trong công ty.

+ Kế toán công ty không tiến hành theo dõi chi tiết các khoản chi phí phát sinh, làm cho công tác theo dõi và quản lý chi phí chưa được hiệu quả, làm giảm hiệu quả kinh doanh tại công ty.

+ Các khoản nợ khó đòi của công ty vẫn chưa được trích lập dự phòng phải thu khó đòi, dẫn đến việc hạch toán doanh thu, chi phí không được chính xác, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh.

+ Công ty chưa thực sự quan tâm đến chính sách thu hồi nợ gây mất chủ động trong vấn đề sử dụng vốn, vòng quay vốn không được sử dụng hiệu quả, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

✓ *Về kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả sản xuất kinh doanh và một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chi phí sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng:*

+ Về tổ chức bộ máy kế toán và phương pháp ghi chép sổ sách kế toán: Hoàn thiện tổ chức bộ máy kế toán đầu tiên phải nâng cao trình độ của các nhân viên kế toán như cho

nhân viên đi đào tạo thêm về nghiệp vụ kế toán, học các khóa tin học, các khóa sử dụng về phần mềm kế toán... sắp xếp đúng người, đúng việc, phù hợp với năng lực của từng nhân viên để đảm bảo các đối tượng được theo dõi một cách chính xác. Công ty cũng nên sử dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán kế toán, giúp cho bộ máy kế toán đơn giản, gọn nhẹ, vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc. Từ đó giúp nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Về công tác tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm: Công ty nên theo dõi chi tiết cho từng loại chi phí phát sinh tại các đội tàu của công ty như chi phí nguyên vật trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung. Việc hạch toán riêng các khoản chi phí nói trên giúp kế toán công ty có thể theo dõi một cách chính xác và chi tiết từng loại chi phí phát sinh, từ đó tìm ra những giải pháp giảm chi phí một cách hiệu quả, nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

+ Về công tác theo dõi chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Để thực hiện tốt công tác theo dõi và quản lý chi phí, kế toán công ty nên mở chi tiết các tài khoản cấp 2 của tài khoản 641 và tài khoản 642. Qua đó, giúp nhà quản trị có thể theo dõi một cách chi tiết, nắm bắt được sự phát sinh chi phí trong kỳ, những khoản chi phí phát sinh nhiều, để có thể đưa ra những giải pháp kịp thời giúp tiết kiệm chi phí hiệu quả, nâng cao hiệu quả cho công ty.

+ Về công tác trích lập dự phòng phải thu khó đòi: Kế toán công ty nên tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi để tránh những rủi ro trong kinh doanh, có những biện pháp tích cực đòi nợ nhưng vẫn chú ý giữ gìn mối quan hệ với khách hàng. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi giúp cho công ty đánh giá được khả năng thanh toán của khách hàng, đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ, giúp tình hình tài chính của công ty không bị biến động khi phát sinh các khoản nợ không đòi được, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Về chính sách thu hồi nợ và chính sách chiết khấu thanh toán: Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng có số lượng khách hàng nợ lớn. Để có thể thu hồi vốn nhanh, rút ngắn vòng quay vốn thì công ty cần phải có những chính sách thu hồi nợ. Chiết khấu thanh toán là một trong những biện pháp giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty, đẩy nhanh số lượng tiêu thụ và rút ngắn vòng quay vốn, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt các giải pháp thu hồi nợ giúp doanh nghiệp có thể thu hồi vốn nhanh chóng, rút ngắn vòng quay vốn để tái sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

+ Hệ thống sổ sách kế toán: Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng nên mở sổ chi tiết theo dõi cho từng đối tượng chi phí phát sinh để có thể dễ dàng đối chiếu và kiểm tra một cách chính xác các khoản chi phí của công ty. Từ đó, có thể hoạch định ra các phương pháp giúp tiết kiệm chi phí một cách hiệu quả nhất, đạt được lợi nhuận cao nhất.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2011

Sinh viên

Dương Thị Quỳnh Hoan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Phú Giang. 2005. Kế toán thương mại: NXB Thống kê.
2. Võ Văn Nhị. 2009. Kế toán tài chính doanh nghiệp: NXB Tài chính.
3. Trần Hữu Thực. 2006. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán: NXB tài chính.
4. Trần Hữu Thực. 2006. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ sách kế toán, sơ đồ kế toán. NXB tài chính.
5. Bùi Văn Trường. 2008. Kế toán chi phí: NXB Lao động – Xã hội.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	4
1.1. Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	4
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	4
1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.1.4. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	7
1.1.4.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến doanh thu.	7
1.1.4.2. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chi phí	9
1.1.4.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	9
1.1.5. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	10
1.2. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu...12	
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.	12
1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	17
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	23
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	23
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	25
1.2.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.....	28
1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	28
1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.....	29
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán	30
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	31

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác	31
1.2.5.2. Kế toán chi phí khác	32
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	34
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	36
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIPCO HẢI PHÒNG	38
2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	38
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.....	39
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng	41
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng. ..	43
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	43
2.1.4.2. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ tài khoản kế toán tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	44
2.1.4.3. Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng. .	44
2.1.4.4. Hệ thống sổ sách kế toán và hình thức kế toán áp dụng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	45
2.1.4.5. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính	47
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.....	47
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.	47
2.2.1.1. Đặc điểm sản phẩm hàng hóa.	47
2.2.1.2. Các phương thức bán hàng tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	48

2.2.1.3. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	49
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	79
2.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.	79
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	81
2.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính	94
2.2.5. Kế toán thu nhập khác, chi phí khác.....	106
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	106
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VIPCO HẢI PHÒNG.....	114
3.1. Đánh giá chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	114
3.1.1. Ưu điểm.....	114
3.1.2.Nhược điểm.....	116
3.2. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	120
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	120
3.2.2. Nguyên tắc của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	121
3.2.3. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH một thành viên VIPCO Hải Phòng.	122
KẾT LUẬN	133
TÀI LIỆU THAM KHẢO	